

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	5.036.476.000.000	Tối đa 144 tháng, không vượt quá ngày 09/01/2035		Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,55%	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	- Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng B.O.T; - Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đông góp vốn trong công ty và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; - Toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII") tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; - Cam kết bảo lãnh của Công ty CII và CII B&R cam kết trả nợ thay cho Công ty trong trường hợp các Cổ đông góp vốn không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty.
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	1.900.000.000.000	Tối đa 168 tháng, không vượt quá 6 tháng trước khi kết thúc dự án				
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	2.220.955.113.788	7 năm	29/11/2029	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,7% - 9,5%/năm	Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	1.189.801.620.354	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,5%/năm	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	635.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,25%-10,4%/năm	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên	Các lợi ích kinh tế từ quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.
Ngân hàng BIDV - CN TP. Hồ Chí Minh	553.120.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,8%-10,9%/năm	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	323.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Thả nổi, lãi suất trong năm là 11,65%-13,05%/năm	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG.
	10.411.530.866	5 năm	26/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong năm từ 11,65%-13,2%/năm	Tài trợ kinh phí cải tạo nâng cấp cầu Phước Hoà cũ đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình.
	14.042.187.500	5 năm	24/09/2026	Thả nổi, lãi suất trong năm là 11,65%-12,5%/năm	Tài trợ kinh phí trung tu đợt 3 và lắp đặt dải phân cách đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

348.136.018.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	293.903.289.283	10 năm	31/12/2033	10,5%/năm	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo.
	919.579.815.131	Tương đương thời gian thu phí, dự kiến là 14 năm 8 tháng		10,5%/năm	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	1.213.483.104.414					

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	978.273.054.311	583.509.986.666
Trong năm thứ hai	1.121.930.862.353	554.854.765.189
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.951.475.372.876	2.147.372.967.723
Sau năm năm	8.046.292.073.392	2.816.157.648.508
	13.097.971.362.932	6.101.895.368.086
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(978.273.054.311)	(583.509.986.666)
Cộng	12.119.698.308.621	5.518.385.381.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	96.125.354.490	1.272.973.201.023	1.386.934.246.204	4.688.238.199.813
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	291.247.556.840	171.343.644.440	462.591.201.280
Chia cổ tức	-	-	-	(77.141.906.000)	(221.362.754.674)	(298.504.660.674)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	9.902.820.107	(15.439.287.049)	-	(5.536.466.942)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	(3.318.461.592)	(3.318.461.592)
Tại ngày 31/12/2022	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	691.595.269.613	235.633.642.920	927.228.912.533
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(694.277.154.000)	(154.550.037.409)	(848.827.191.409)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	265.998.988.819	265.998.988.819
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.012.499.052)	-	(4.012.499.052)
Tại ngày 31/12/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.464.945.181.375	1.680.679.268.708	5.183.858.022.776

(i) Trong năm, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 (12%), năm 2020 (6%), cổ tức còn lại của năm 2021 (4%), năm 2022 (8%), và một phần cổ tức của năm 2023 (6%) với tổng tỷ lệ là 36% bằng tiền mặt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 12 tháng 4 năm 2023 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 với tỷ lệ tối thiểu 8% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2023 với tỷ lệ dự kiến là 16%.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	1.687.046.307.620	1.444.794.518.426
Doanh thu cung cấp dịch vụ	9.540.234.331	2.488.527.766
Doanh thu hoạt động duy tu, xây lắp công trình	6.044.278.343	111.300.000
	1.702.630.820.294	1.447.394.346.192
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(105.606.623.638)	(106.692.788.920)
	(105.606.623.638)	(106.692.788.920)
Doanh thu thuần	1.597.024.196.656	1.340.701.557.272
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	11.990.913.627	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	332.002.664	651.325.832
Công ty Cổ phần Kỹ thuật En Vi Ro	40.000.000	-
Cộng	12.362.916.291	651.325.832

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	515.403.092.750	516.777.305.793
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.218.383.585	2.891.185.280
Giá vốn hoạt động duy tu, xây lắp công trình	3.116.304.605	111.300.000
Cộng	526.737.780.940	519.779.791.073

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận khi nắm quyền kiểm soát (<i>Thuyết minh V.14</i>)	331.137.608.472	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.773.925.815	86.349.692.418
Lợi ích tài chính của hợp đồng B.O.T (i)	16.315.734.081	5.839.359.419
Cộng	418.227.268.368	92.189.051.837

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	27.265.953.159	14.467.310.557
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	7.833.980.369	11.427.154.866
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bảy	6.334.246.575	29.156.164.384
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	834.238.356	359.178.082
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	69.221.667
Công ty CII E&C	-	99.166.666
Cộng	42.268.418.459	55.578.196.222

- (i) Trong Hợp đồng B.O.T Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận thể hiện rằng lãi suất được áp dụng để tính thời gian hoàn vốn được lấy theo mức lãi suất khoán cụ thể cho từng giai đoạn trong thời gian thu phí. Công ty đã đàm phán được nguồn vốn vay với lãi suất vay thấp, do đó Công ty được hưởng một khoản lợi ích tài chính theo điều khoản lãi vay quy định trong hợp đồng B.O.T.

4. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	344.029.156.218	293.974.293.452
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	4.811.519.725
Chi phí tài chính khác	1.181.484.201	-
Cộng	345.210.640.419	298.785.813.177

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty CII	47.306.430.154	89.648.727.414
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	39.980.061.369	4.347.585.090
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	6.878.767.123	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	1.000.547.946	-
Cộng	95.165.806.592	93.996.312.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	86.143.702.775	86.080.368.770
Chi phí lương nhân viên	5.226.866.828	7.188.191.930
Chi phí vận hành trạm thu phí	12.394.161.765	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.138.134.496	14.390.053.561
Cộng	114.902.865.864	107.658.614.261

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	39.258.273.819	39.046.997.084
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	7.012.366.156	10.562.699.518
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	3.325.863.007	3.332.272.364
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	163.636.364	163.636.365
Công ty CII	163.636.364	163.636.364
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy	69.444.444	-
Cộng	49.993.220.154	53.269.241.695

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	15.098.507.951	10.855.000.875
Chi phí lương nhân viên	16.474.454.497	9.867.510.493
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.039.843.479	1.525.678.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.401.803.953	13.878.086.084
Dự phòng phải thu khó đòi	51.176.018.182	12.391.877.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.143.060.745	3.630.327.777
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	11.805.726.915	5.692.324.705
Cộng	131.139.415.722	57.840.805.877

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	26.400.000	28.600.000
--	------------	------------

7. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ (xem thêm Thuyết minh V.14)	5.024.475.588	-
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	81.818.181	109.090.908
Thu nhập từ xóa các khoản nợ phải trả	113.036.075	-
Thu nhập khác	92.727.273	325.144.445
Cộng	5.312.057.117	434.235.353

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Chi phí bồi thường hộ dân bị ảnh hưởng khi thi công dự án B.O.T	5.919.567.461	-
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	51.319.969	630.704.721
Chi phí khác	966.344.061	7.902.645
Cộng	6.937.231.491	638.607.366

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	998.741.364	388.040.793
Chi phí nhân công	33.425.989.951	21.181.298.473
Chi phí khấu hao tài sản cố định	395.215.619.156	408.541.446.083
Chi phí dự phòng	49.482.670.179	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.475.811.951	170.603.079.514
Chi phí bằng tiền khác	11.806.532.248	9.271.592.852
Cộng	760.405.364.849	609.985.457.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2023		2022	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	771.409.463.153	193.777.149.658	571.712.874.292	(85.905.111.139)
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(348.489.276)	(242.679.707.356)	2.331.762.935	139.082.187.578
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con	-	(331.137.608.472)	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	(69.551.025.106)	-	(37.186.550.445)
Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	26.460.683.434	-	13.650.901.380
Lợi thế thương mại phân bổ	-	15.098.507.951	-	10.855.000.875
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	-	70.196.898.288	703.762.497	148.906.732.499
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	(5.024.475.588)	-	-
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	-	-	1.351.531.590
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	(348.489.276)	51.277.312.137	1.628.000.438	1.504.571.679
Tổng thu nhập chịu thuế	771.060.973.877	(48.902.557.698)	574.044.637.227	53.177.076.439
Bù trừ lãi và lỗ giữa các hoạt động	(106.760.940.697)	106.760.940.697	-	-
Lỗ tính thuế mang sang	(692.121.497)	-	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	663.607.911.683	57.858.382.999	574.044.637.227	53.177.076.439
Thu nhập tính thuế 20%	103.306.373.057	57.858.382.999	56.620.987.322	53.177.076.439
Thu nhập tính thuế 10%	560.301.538.626	-	517.423.649.905	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	76.691.428.474	11.571.676.601	63.066.562.455	10.635.415.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(59.491.098.202)	-	(48.501.886.892)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% (i)	(5.837.366.294)	-	(3.977.618.710)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-	-	1.175.850.373	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	11.362.963.978	11.571.676.601	11.762.907.226	10.635.415.288
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22.934.640.579	22.398.322.514		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

(i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	691.595.269.613	291.247.556.840
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(4.186.339.571)	(4.012.499.052)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	687.408.930.042	287.235.057.788
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.564	1.489

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	2023 VND	2022 VND
Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
Cần trừ công nợ với giá mua thêm cổ phần công ty Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	437.402.631.387	-
Số tiền đi vay thực thu trong năm (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	9.314.089.237.172	878.396.629.052
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	3.230.862.094.628	793.620.000.000
	12.544.951.331.800	1.672.016.629.052
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	7.944.530.807.950	324.447.354.792
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	3.617.229.043.283	1.037.569.642.610
	11.561.759.851.233	1.362.016.997.402

(i) Trong năm, Công ty mua thêm 39% vốn cổ phần trong công ty Trung Lương - Mỹ Thuận từ Công ty Tuấn Lộc. Giá phí của cổ phần mua thêm được cần trừ với khoản nợ phải thu về cho vay và phải thu khác từ Tuấn Lộc tại ngày mua. Do vậy giao dịch này làm tăng một khoản đầu tư vào công ty con và giảm các khoản nợ phải thu tương ứng mà không được thể hiện vào dòng tiền đầu tư vào đơn vị khác trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Trong vòng một năm	4.030.021.971	2.666.255.664
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.855.179.238	5.471.378.811
Cộng	11.885.201.208	8.137.634.475

3. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông và các dịch vụ khác.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Hoạt động thu phí giao thông		Thi công lắp đặt, duy tu công trình		Cung cấp dịch vụ		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	VND
Doanh thu thuần										
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.581.439.683.982		6.044.278.343		9.540.234.331		-		1.597.024.196.656	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-		39.744.575.293		9.961.007.796		(49.705.583.089)		-	
Cộng	1.581.439.683.982		45.788.853.636		19.501.242.127		(49.705.583.089)		1.597.024.196.656	
Giá vốn										
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	515.403.092.750		2.700.277.309		8.634.410.881		-		526.737.780.940	
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-		39.744.575.293		2.958.296.757		(42.702.872.050)		-	
Cộng	515.403.092.750		42.444.852.602		11.592.707.638		(42.702.872.050)		526.737.780.940	
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.066.036.591.232		3.344.001.034		7.908.534.489		(7.002.711.039)		1.070.286.415.716	
Doanh thu hoạt động tài chính									418.227.268.368	
Chi phí tài chính									345.210.640.419	
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết									69.551.025.106	
Chi phí bán hàng									114.902.865.864	
Chi phí quản lý doanh nghiệp									131.139.415.722	
Thu nhập khác									5.312.057.117	
Chi phí khác									6.937.231.491	
Chi phí thuế TNDN hiện hành									22.934.640.579	
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại									15.023.059.699	
Tổng lợi nhuận sau thuế									927.228.912.533	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	Hoạt động thu phí giao thông		Thi công lắp đặt, duy tu công trình		Cung cấp dịch vụ		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần									
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.338.101.729.506	111.300.000			2.488.527.766		-		1.340.701.557.272
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	1.003.895.402			5.729.077.262		(6.732.972.664)		-
Cộng	1.338.101.729.506	1.115.195.402			8.217.605.028		(6.732.972.664)		1.340.701.557.272
Giá vốn									
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	516.777.305.793	111.300.000			2.891.185.280		-		519.779.791.073
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	1.003.895.402			-		(1.003.895.402)		-
Cộng	516.777.305.793	1.115.195.402			2.891.185.280		(1.003.895.402)		519.779.791.073
Lợi nhuận gộp bộ phận	821.324.423.713	-			5.326.419.748		(5.729.077.262)		820.921.766.199
Doanh thu hoạt động tài chính									92.189.051.837
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết									37.186.550.445
Chi phí tài chính									298.785.813.177
Chi phí bán hàng									107.658.614.261
Chi phí quản lý doanh nghiệp									57.840.805.877
Thu nhập khác									434.235.353
Chi phí khác									638.607.366
Chi phí thuế TNDN hiện hành									22.398.322.514
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại									818.239.359
Tổng lợi nhuận sau thuế									462.591.201.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Báo cáo bộ phận** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, dịch vụ cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Ninh Thuận		Tỉnh Bến Tre		Tỉnh Bình Dương		Tỉnh Trà Vinh		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND
Bảng cân đối kế toán															
<i>Tại ngày 31/12/2023</i>															
Tài sản ngắn hạn	1.996.519.300.695		315.903.179.213		268.225.207.354		355.103.651.381		80.455.796.025		15.119.578.191		-1.303.365.423.036		1.727.961.289.823
Tài sản dài hạn	5.816.539.424.018		9.939.376.655.607		2.518.493.900.847		1.113.515.855.989		669.282.416.471		835.295.347.602		293.238.448.858		21.185.742.049.392
Nợ phải trả	7.428.493.002.301		8.498.143.886.178		1.879.833.938.073		656.265.563.198		262.689.018.538		557.681.641.415		-1.553.261.733.264		17.729.845.316.439
<i>Tại ngày 01/01/2023</i>															
Tài sản ngắn hạn	1.595.382.135.108		-		161.092.958.328		271.942.655.379		10.888.774.004		10.128.468.438		(804.939.881.278)		1.244.495.109.979
Tài sản dài hạn	6.555.916.953.924		-		2.483.406.865.149		1.196.764.844.009		669.151.012.561		823.333.563.197		(222.985.066.455)		11.505.588.172.385
Nợ phải trả	5.667.161.487.893		-		1.693.044.922.506		764.232.422.123		219.680.237.152		595.395.950.766		-1.032.901.549.961		7.906.613.470.479
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh															
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023</i>															
Doanh thu thuần	698.215.559.378		214.094.311.766		267.981.932.904		254.110.800.455		101.568.189.805		110.758.985.437		(49.705.583.089)		1.597.024.196.656
Giá vốn	149.482.218.882		66.214.592.600		145.449.903.302		100.696.732.542		36.887.223.471		28.007.110.143		-		526.737.780.940
Lợi nhuận gộp	548.733.340.496		147.879.719.166		122.532.029.602		153.414.067.913		64.680.966.334		82.751.875.294		(49.705.583.089)		1.070.286.415.716
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022</i>															
Doanh thu thuần	578.047.897.587		-		237.473.376.425		249.236.944.781		174.617.095.066		108.059.216.077		(6.732.972.664)		1.340.701.557.272
Giá vốn	180.874.097.295		-		159.399.828.365		119.727.471.435		33.052.172.086		26.726.221.892		-		519.779.791.073
Lợi nhuận gộp	397.173.800.292		-		78.073.548.060		129.509.473.346		141.564.922.980		81.332.994.185		(6.732.972.664)		820.921.766.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

Công ty mẹ

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường

Công ty trong cùng tập đoàn

Bình Triệu

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Hạ Tầng Trung Bộ (i)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN) (ii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII) (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (iii)

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê (iii)

Công ty liên kết của tập đoàn

(i) Công ty con của Công ty CII được thành lập mới vào ngày 07 tháng 3 năm 2023.

(ii) Ngày 24 tháng 6 năm 2023, Công ty CII E&C đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ vốn trong Công ty NQN cho Công ty NBB.

(iii) Ngày 26 tháng 6 năm 2023, Công ty CII đã thoái vốn một phần dẫn đến mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Công ty SII). Do đó, Công ty SII và nhóm các công ty con, công ty liên kết của công ty này không còn là bên liên quan của Công ty kể từ ngày 26 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2023 VND	2022 VND
Công ty CII		
Nhận tiền gốc, lãi hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn	262.347.191.188	793.620.000.000
Thanh toán tiền gốc hỗ trợ vốn	3.617.229.043.283	1.037.569.642.610
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	427.500.000.000	122.500.000.000
Nhận lại tiền hỗ trợ vốn	-	51.701.150.903
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	56.757.382.408	-
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	3.289.383.562	-
Thanh toán tiền lãi hỗ trợ vốn	385.526.224.676	196.330.357.390
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	323.687.534.923	162.594.970.380
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	24.988.350.000	-
Công ty CII E&C		
Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng	750.000.000.000	-
Chi phí thi công xây dựng công trình và trung tu, sửa chữa đường bộ	34.202.039.911	110.588.213.538
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	3.000.000.000
Nhận lại tiền hỗ trợ vốn	-	3.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ	44.095.516.312	52.988.174.918
Chi phí thi công xây dựng công trình và trung tu, sửa chữa đường bộ	33.234.542.143	-
Chi phí dịch vụ cung cấp và khảo sát lưu lượng xe	688.847.730	780.217.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	5.943.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	-	409.706.042
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng	892.510.000.000	-
Chuyển trả tiền lãi theo hợp đồng chuyển nhượng	39.685.717.699	-
Nhận hoàn trả tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	200.000.000.000	-
Chuyển tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	200.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền thanh toán theo hợp đồng chuyển nhượng	614.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	400.000.000.000	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	400.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm:**

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.708.279.175	1.587.032.778
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	926.695.057	943.444.094
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023)	203.153.187	432.439.104
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	631.610.118	573.787.317
Cộng		3.469.737.537	3.536.703.293

Trong năm, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch	200.625.000	148.542.300
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	160.500.000	248.313.840
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	133.750.000	99.028.200
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	133.750.000	66.018.800
Ông Dương Trường Hải	Thành viên	133.750.000	99.028.200
Ông Phạm Thế Chính	Thành viên	-	33.009.400
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên	-	35.966.667
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	133.750.000	170.961.533
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	133.750.000	170.961.533
Cộng		1.029.875.000	1.071.830.473
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát	107.000.000	79.222.560
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	80.250.000	59.416.920
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	80.250.000	59.416.920
Cộng		267.500.000	198.056.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Ngày 03 tháng 01 năm 2024, Công ty đã thực hiện tất toán trước khoản vay có thời hạn 8 năm đáo hạn vào ngày 29 tháng 7 năm 2028 của Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành với số tiền là 323.682.300.319 đồng.

Trong năm, Chủ tịch Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận - Công ty con của Công ty đã ban hành Quyết định số 93/QĐ-BOT.NT về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với tổng mệnh giá tối đa là 1.200 tỷ đồng. Ngày 29 tháng 01 năm 2024, Công ty Ninh Thuận đã nhận được tiền mua trái phiếu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII) với giá trị là 1.200 tỷ đồng. Công ty Ninh Thuận đang hoàn thiện các thủ tục hồ sơ liên quan đến đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thông tin bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành như sau:

- Mã trái phiếu: BNTCH2433001;
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 12.000;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không được đảm bảo bằng tài sản; không phải nợ thứ cấp và xác lập nghĩa vụ nợ trực tiếp của Tổ chức phát hành;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành: Thanh toán khoản nợ vay dài hạn cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTDDA/NHCT942-BOT NINH THUẬN ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Ngày 24 tháng 6 năm 2023 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội - Công ty con của Công ty đã ban hành Nghị quyết số 39/NQ-ĐHĐCĐ về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ với tổng mệnh giá tối đa là 550 tỷ đồng. Ngày 07 tháng 2 năm 2024, Công ty Xa lộ Hà Nội đã nhận được tiền mua trái phiếu từ Công ty CII - Công ty mẹ của Công ty với giá trị là 550 tỷ đồng. Công ty Xa lộ Hà Nội đang hoàn thiện các thủ tục liên quan đến đăng ký, lưu ký chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thông tin bổ sung cho trái phiếu doanh nghiệp phát hành như sau:

- Mã trái phiếu: HNHCH2433001;
- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.500;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không được đảm bảo bằng tài sản; không phải nợ thứ cấp và xác lập nghĩa vụ nợ trực tiếp của Tổ chức phát hành;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành:
 - Thanh toán một phần khoản nợ vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 0037/2338/D-TL/01 ngày 15 tháng 6 năm 2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với số tiền 100 tỷ đồng.
 - Thanh toán kinh phí đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao với số tiền là 450 tỷ đồng.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 3 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 61



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên độc lập
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

Số: 2061/2025/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 3 năm 2025, từ trang 4 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2023-072-1



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2022-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.942.794.069.640	1.727.961.289.823
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	305.454.143.139	705.492.714.069
1. Tiền	111		170.031.940.127	537.926.917.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		135.422.203.012	167.565.796.974
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		624.142.948.403	7.595.478.187
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	624.142.948.403	7.595.478.187
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		992.482.022.522	992.788.275.552
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	34.166.256.902	45.803.648.858
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	30.230.098.994	23.697.266.059
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	592.825.170.466	589.236.587.513
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	449.223.327.608	429.519.989.760
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(113.962.831.448)	(95.469.216.638)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	9.498.552.800	6.149.680.853
1. Hàng tồn kho	141		9.498.552.800	6.149.680.853
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.216.402.776	15.935.141.162
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	548.002.803	4.496.178.977
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.721.324.709	9.484.369.421
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.947.075.264	1.954.592.764



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.520.717.677.521	21.185.742.049.392
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.470.333.097.065	1.212.632.401.892
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	1.194.200.000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	1.469.138.897.065	1.212.632.401.892
II. Tài sản cố định	220		15.863.940.090.936	16.386.593.371.503
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	12.266.897.275	11.948.696.630
- Nguyên giá	222		48.342.069.134	44.766.654.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(36.075.171.859)	(32.817.957.829)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	15.851.673.193.661	16.374.644.674.873
- Nguyên giá	228		19.154.246.848.279	19.016.821.504.351
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.302.573.654.618)	(2.642.176.829.478)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		36.891.386.840	68.329.293.026
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	36.891.386.840	68.329.293.026
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.149.553.102.680	3.518.186.982.971
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.658.704.179.841	2.996.374.313.415
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	245.280.537.221	242.262.851.822
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	245.568.385.618	279.549.817.734
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.463.511.747.161	22.913.703.339.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		17.778.676.037.735	17.729.845.316.439
I. Nợ ngắn hạn	310		1.761.657.191.893	3.101.256.166.008
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	389.840.298.778	623.382.509.096
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	1.656.060.889	464.506.440.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	44.459.838.116	17.029.012.153
4. Phải trả người lao động	314		29.336.480.450	27.644.377.314
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	106.142.044.979	140.145.564.926
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	582.025.847.346	806.279.082.312
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	601.167.082.745	1.017.431.310.220
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.029.538.590	4.837.869.098
II. Nợ dài hạn	330		16.017.018.845.842	14.628.589.150.431
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	3.495.466.964.554	2.341.710.078.857
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	12.367.349.124.255	12.119.698.308.621
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	154.202.757.033	167.180.762.953
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		5.684.835.709.426	5.183.858.022.776
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	5.684.835.709.426	5.183.858.022.776
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.892.285.908.596	1.464.945.181.375
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.360.475.959.270	889.062.770.762
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		531.809.949.326	575.882.410.613
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.754.316.228.137	1.680.679.268.708
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.463.511.747.161	22.913.703.339.215

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2024	2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.606.007.502.075	1.702.630.820.294
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	102.449.115.744	105.606.623.638
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	2.503.558.386.331	1.597.024.196.656
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	813.805.866.892	526.737.780.940
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.689.752.519.439	1.070.286.415.716
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	454.757.936.361	418.227.268.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.018.887.203.997	345.210.640.419
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.007.557.010.065	344.029.156.218
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	69.551.025.106
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	124.409.382.279	114.902.865.864
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	176.214.650.074	131.139.415.722
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		824.999.219.450	966.811.787.185
12. Thu nhập khác	31		65.354.000	5.312.057.117
13. Chi phí khác	32		335.343.197	6.937.231.491
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(269.989.197)	(1.625.174.374)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		824.729.230.253	965.186.612.811
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	49.080.749.539	22.934.640.579
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(15.995.691.319)	15.023.059.699
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		791.644.172.033	927.228.912.533
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		531.809.949.326	691.595.269.613
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		259.834.222.707	235.633.642.920
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.718	3.550



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2024	2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	824.729.230.253	965.186.612.811
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	697.635.471.286	405.289.651.519
Các khoản dự phòng	03	18.493.614.810	51.176.018.182
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(95.715.163.053)	(471.553.468.484)
Chi phí lãi vay	06	1.018.887.203.997	344.029.156.218
Các khoản điều chỉnh khác	07	(254.462.237.212)	95.169.583.497
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.209.568.120.081	1.389.297.553.743
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.170.431.738)	1.845.169.777
Giảm hàng tồn kho	10	(3.348.871.947)	(1.278.771.651)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.692.600.635	2.527.264.684
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(81.951.819.099)	14.108.344.108
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.504.366.788.106)	(1.238.734.351.855)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.950.430.594)	(21.450.431.690)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.498.473.713)	(2.558.516.519)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	587.973.905.519	143.756.260.597
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(174.028.093.113)	(309.421.812.517)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.711.680.358.417)	(446.529.703.187)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.091.544.305.248	684.757.382.408
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(28.920.487.785)	(169.231.230.225)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	85.472.374.593	93.449.775.437
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(737.612.259.474)	(146.875.588.084)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2024	2023
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13.136.200.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.907.028.382.615	12.544.951.331.800
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.596.378.265.546)	(11.561.759.851.233)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(574.186.534.044)	(372.422.668.230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(250.400.216.975)	610.768.812.337
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(400.038.570.930)	607.649.484.850
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	705.492.714.069	97.843.229.219
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	305.454.143.139	705.492.714.069


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%, trong đó sở hữu trực tiếp 51,83% và sở hữu gián tiếp 3,01% thông qua Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (một công ty do CII sở hữu 100%).

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 283 và 270 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tên công ty	31/12/2024				01/01/2024				Nơi thành lập và hoạt động		
	Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)		Tỷ lệ lợi ích				
	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ (%)	Sở hữu trực tiếp (%)		Sở hữu gián tiếp (%)	
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	89%	89%	0%	89%	89%	0%	89%	89%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	0%	51%	51%	0%	51%	51%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	0%	100%	100%	0%	100%	100%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miểu	50,36%	50,71%	0%	50,36%	50,71%	0%	50,36%	50,71%	0%	Tỉnh Bến Tre	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miểu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	0%	51%	51%	0%	51%	51%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	0%	66,67%	66,67%	0%	66,67%	66,67%	0%	Tỉnh Bình Dương	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	Tỉnh Bình Dương	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác
Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 25 tháng 10 năm 2024 Hội đồng Quản trị Công ty CII đã ban hành Nghị Quyết về chủ trương tái cấu trúc các danh mục đầu tư giữa Công ty CII và nhóm các công ty con trong Tập đoàn, việc tái cấu trúc danh mục đầu tư dẫn đến một số thay đổi trong năm liên quan đến Công ty như sau:

- Từ ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày 23 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng 5,8 triệu cổ phiếu của Công ty, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 3,01%, cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII ("Công ty CII Invest"), một công ty con do CII sở hữu 100% vốn. Theo đó, Công ty CII hiện đang nắm giữ trực tiếp 51,83% và nắm giữ gián tiếp 3,01% quyền biểu quyết trong Công ty thông qua Công ty CII Invest.
- Ngày 18 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng khoản hợp tác đầu tư vào 40% vốn của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận theo thỏa thuận đã ký giữa Công ty và Công ty CII cho Công ty CII Invest.
- Ngày 27 tháng 12 năm 2024, Công ty CII đã chuyển nhượng quyền sở hữu trái phiếu BNTCH2433001 của Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận và trái phiếu HNHCH2433001 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội cho Công ty CII Invest. Kể từ thời điểm này, Công ty CII Invest sẽ tiếp nhận toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến các trái phiếu nêu trên.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh** (tiếp theo)

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc, khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết, liên doanh của Công ty và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý trên báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho** (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường, chi phí liên quan đến thủ tục vay vốn và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước, bao gồm chi phí đi vay của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không được vốn hóa vào nguyên giá quyền thu phí giao thông theo quyết định của cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền và chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường được thực hiện theo quy định của hợp đồng B.O.T và được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

Các khoản chi phí làm thủ tục vay vốn liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được phân bổ theo đường thẳng trong suốt thời hạn của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ khấu hao khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ phải trả phát sinh từ các hợp đồng thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phí giao thông đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ từ các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hoạt động hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.171.322.028	1.560.067.782
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	168.860.618.099	536.366.849.313
Các khoản tương đương tiền	135.422.203.012	167.565.796.974
Cộng	305.454.143.139	705.492.714.069

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Số dư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ của khoản tương đương tiền này bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	624.142.948.403	7.595.478.187

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng và lãi suất dao động từ 2,6%/năm đến 4,8%/năm. Số dư cuối kỳ bao gồm số tiền 423,5 tỷ đồng đã được sử dụng để cầm cố cho các khoản nợ vay tại Ngân hàng Công thương Việt Nam của Công ty CII và Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	4.971.752.607	17.398.692.791
Phải thu các bên khác	29.194.504.295	28.404.956.067
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Các khách hàng khác	21.893.727.321	21.104.179.093
Cộng	34.166.256.902	45.803.648.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T	19.402.886.070	12.285.475.343
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	10.817.512.434	11.402.090.226
Trả trước cho bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	9.700.490	9.700.490
Cộng	30.230.098.994	23.697.266.059

5. Phải thu về cho vay

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	560.831.578.585	557.242.995.632
Các bên khác	31.993.591.881	31.993.591.881
Công ty Cổ phần Hoàng An	17.546.812.283	17.546.812.283
Công ty Cổ phần Cầu 12	14.446.779.598	14.446.779.598
Cộng	592.825.170.466	589.236.587.513
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	1.194.200.000	-
Cộng các khoản phải thu về cho vay	594.019.370.466	589.236.587.513

Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn cuối kỳ thể hiện các khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII), bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 497.150.167.627 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn với hạn mức theo hợp đồng ký ngày 26 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng với số tiền là 25 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn ngày 26 tháng 9 năm 2025. Lãi suất áp dụng trong năm từ 6,0%-8,5%/năm, không có tài sản đảm bảo. Vốn gốc và chi phí lãi phát sinh sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 18.681.410.958 đồng.
- Khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký với hạn mức 100 tỷ đồng, đáo hạn vào ngày 06 tháng 6 năm 2025 nhằm thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh. Tỷ suất lợi nhuận Công ty được hưởng là 8,5%/năm tính trên số tiền hợp tác đã chuyển. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 45 tỷ đồng.

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ phần Trung Lương Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong năm là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ phần Trung Lương Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Phải thu khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	140.241.454.319	140.241.454.319
Lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T (iv)	102.449.115.744	102.449.115.744
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z (ii)	66.500.000.000	66.500.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	32.985.791.839	29.149.961.537
Đặt cọc mua cổ phần (iii)	27.726.287.785	-
Phải thu các nhà thầu giá trị khối lượng thi công dự án không được quyết toán	22.536.888.505	22.536.888.505
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.521.911.624	2.136.939.644
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	7.513.241.097	21.396.752.494
Các khoản phải thu khác	39.748.636.695	45.108.877.517
Cộng	449.223.327.608	429.519.989.760
b. Phải thu dài hạn		
Lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T (iv)	1.446.853.897.065	1.191.262.401.892
Các khoản phải thu khác	22.285.000.000	21.370.000.000
Cộng	1.469.138.897.065	1.212.632.401.892
Cộng các khoản phải thu khác	1.918.362.224.673	1.642.152.391.652
Trong đó, phải thu các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	6.362.217.632	2.377.560.218
(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.		
(ii) Số dư thể hiện khoản tạm ứng cho hợp đồng tư vấn tổng thể dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận đã ký với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z. Các bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng này và đang làm các thủ tục cần thiết để thanh lý.		
(iii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận hứa mua hứa bán ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc hứa bán và Công ty hứa mua số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. Phải thu khác** (tiếp theo)

(iv) Chi tiết số dư lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội (*)	1.108.652.654.215	1.209.439.259.143
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (**)	383.085.164.374	84.272.258.493
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương (***)	57.565.194.220	-
	1.549.303.012.809	1.293.711.517.636
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(102.449.115.744)	(102.449.115.744)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.446.853.897.065	1.191.262.401.892

(*) Khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong giai đoạn thi công của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội với tỷ suất lãi vốn chủ theo hợp đồng B.O.T là 14%/năm.

(**) Trong năm, Công ty đã thực hiện thay đổi ước tính kế toán liên quan đến việc ghi nhận quyền và các lợi ích tài chính mà Công ty được hưởng từ Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận ("Dự án"): theo hợp đồng B.O.T, Công ty được hưởng lãi bảo toàn vốn chủ trong giai đoạn thu phí hoàn vốn với tỷ lệ 12%/năm cho phần cơ cấu vốn chủ. Đối với cấu phần vốn vay tài trợ cho Dự án, lãi suất sử dụng để tính thời gian hoàn vốn được khoán gọn theo mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của 3 ngân hàng lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo điều khoản của hợp đồng B.O.T. Các quyền và lợi ích nêu trên được thu hồi dần thông qua hoạt động thu phí giao thông. Như vậy, để phản ánh đầy đủ các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ việc đầu tư Dự án, trong năm Công ty đã điều chỉnh giá trị ghi sổ của quyền phải thu đối với lãi vốn chủ và phần chênh lệch giữa lãi vay được khoán theo hợp đồng B.O.T với lãi vay thực tế phát sinh. Việc thay đổi ước tính kế toán từ năm tài chính 2024 dựa trên việc cập nhật thông tin và xem xét các yếu tố mới. Cụ thể, trước năm 2024, doanh thu phát sinh từ trạm thu phí Km1584+100 Quốc lộ 1 (trạm thu phí Cà Ná) được chia sẻ cho hai dự án, bao gồm Dự án này và Dự án B.O.T đầu tư xây dựng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm ("Dự án NT1") (xem thêm Thuyết minh V.11). Khi Dự án NT1 tạm dừng thu phí để chờ quyết toán, toàn bộ doanh thu phát sinh tại trạm thu phí này được dùng để hoàn vốn cho Dự án.

(***) Tương tự như dự án Ninh Thuận, trong năm, Công ty điều chỉnh quyền phải thu đến từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu trong giai đoạn khai thác của Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương mà Công ty sẽ thu hồi từ hoạt động thu phí giao thông. Lãi bảo toàn vốn chủ là phần lợi nhuận được xác định trên số dư phần vốn chủ sở hữu chưa thu hồi nhân với tỷ suất lãi vốn chủ theo hợp đồng B.O.T là 8,4%/năm (xem thêm tại Thuyết minh số VI.3).

Việc thay đổi ước tính kế toán của Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A và Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 đã làm tăng giá trị quyền phải thu của Công ty và thu nhập tài chính phát sinh trong năm với giá trị là 359.042.773.308 đồng (Thuyết minh số VI.3). Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc ghi nhận toàn bộ các khoản lợi ích tài chính như trên là phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và phản ánh hợp lý giá trị tài sản của Công ty khi đầu tư dự án. Giá trị quyền phải thu này có thể thay đổi khi Công ty thực hiện quyết toán tổng giá trị đầu tư của dự án, lãi suất đi vay thực tế thay đổi, hoặc phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.913.491.410	-	(26.913.491.410)	26.913.491.410	-	(26.913.491.410)
Phải thu về cho vay ngắn hạn	31.993.591.881	6.910.603.537	(25.082.988.344)	31.993.591.881	6.910.603.537	(25.082.988.344)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.634.574.749	-	(1.634.574.749)	1.634.574.749	-	(1.634.574.749)
Phải thu ngắn hạn khác	106.483.544.834	46.151.767.889	(60.331.776.945)	44.838.162.135	3.000.000.000	(41.838.162.135)
Cộng	167.025.202.874	53.062.371.426	(113.962.831.448)	105.379.820.175	9.910.603.537	(95.469.216.638)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	2024	2023
	VND	VND
Số đầu năm	(95.469.216.638)	(40.612.893.961)
Trích lập dự phòng bổ sung	(18.493.614.810)	(51.176.018.182)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	(3.769.311.000)
Xóa nợ trong năm	-	89.006.505
Số cuối năm	(113.962.831.448)	(95.469.216.638)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.498.552.800	-	6.149.680.853	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	490.268.859	-	490.268.859	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	9.008.283.941	-	5.659.411.994	-
Cộng	9.498.552.800	-	6.149.680.853	-

9. Chi phí trả trước

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	328.896.990	369.741.562
Chi phí sửa chữa cầu đường	-	3.136.146.801
Các khoản chi phí trả trước khác	219.105.813	990.290.614
Cộng	548.002.803	4.496.178.977

b. Dài hạn

Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T(i)	3.372.055.485.512	2.755.620.372.773
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	179.756.991.542	113.279.455.423
Chi phí liên quan đến thủ tục vay chờ phân bổ	92.503.459.887	101.751.279.158
Chi phí quản lý dự án	3.786.904.669	10.150.273.681
Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí	4.373.333.878	7.872.001.006
Các khoản chi phí trả trước khác	6.228.004.353	7.700.931.374
Cộng	3.658.704.179.841	2.996.374.313.415

Cộng các khoản chi phí trả trước

3.659.252.182.644	3.000.870.492.392
--------------------------	--------------------------

(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:

Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1	1.076.853.171.639	768.485.606.369
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	1.065.270.851.532	941.021.153.096
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	757.488.866.556	599.140.016.362
Dự án cầu Cổ Chiên	293.796.306.256	274.781.177.657
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	178.646.289.529	172.192.419.289
Cộng	3.372.055.485.512	2.755.620.372.773

Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 là 34,78%; Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 17,95%; Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 7% (tỷ lệ phân bổ của kỳ trước là 5%); Dự án cầu Cổ Chiên là 18%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tỷ lệ phân bổ lãi vay của các dự án sẽ được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cấp nhật lưu lượng xe thực tế trên nguyên tắc bảo toàn lãi vốn chủ của dự án B.O.T.

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i) VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí đi vay chờ phân bổ VND	Chi phí khác chờ phân bổ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.580.638.958.028	120.219.001.757	-	21.526.585.127	1.722.384.544.912
Phân loại lại	-	5.756.594.125	-	(5.756.594.125)	-
Tăng do hợp nhất công ty con	648.414.957.886	-	-	12.007.368.678	660.422.326.564
Chi phí tăng trong năm	744.510.003.751	36.998.136.047	102.534.564.396	8.306.712.131	892.349.416.325
Phân bổ trong năm	(217.943.546.892)	(49.694.276.506)	(783.285.238)	(10.360.865.750)	(278.781.974.386)
Tại ngày 31/12/2023	2.755.620.372.773	113.279.455.423	101.751.279.158	25.723.206.061	2.996.374.313.415
Tại ngày 01/01/2024	2.755.620.372.773	113.279.455.423	101.751.279.158	25.723.206.061	2.996.374.313.415
Chi phí tăng trong năm	1.150.235.578.997	81.765.128.129	-	3.421.271.931	1.235.421.979.057
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	56.415.964.555	-	-	56.415.964.555
Phân bổ trong năm	(533.800.466.258)	(71.703.556.565)	(9.247.819.271)	(14.756.235.092)	(629.508.077.186)
Tại ngày 31/12/2024	3.372.055.485.512	179.756.991.542	92.503.459.887	14.388.242.900	3.658.704.179.841

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng VND
	VND		VND		VND		VND		VND		
Nguyên giá											
	Tại ngày 01/01/2024	8.189.443.376	19.252.995.830	14.652.336.075	1.850.390.290	821.488.888	44.766.654.459				
	Mua trong năm	-	261.519.000	2.680.771.818	341.579.000	-	3.283.869.818				
	Đầu tư XDCB hoàn thành	-	291.544.857	-	-	-	291.544.857				
Tại ngày 31/12/2024	8.189.443.376	19.806.059.687	17.333.107.893	2.191.969.290	821.488.888	48.342.069.134					
Giá trị hao mòn lũy kế											
	Tại ngày 01/01/2024	7.020.220.233	13.104.946.268	10.963.249.830	1.568.812.793	160.728.705	32.817.957.829				
	Khấu hao trong năm	164.579.040	1.353.719.652	1.534.128.010	89.872.508	114.914.820	3.257.214.030				
	Tại ngày 31/12/2024	7.184.799.273	14.458.665.920	12.497.377.840	1.658.685.301	275.643.525	36.075.171.859				
Giá trị còn lại											
	Tại ngày 01/01/2024	1.169.223.143	6.148.049.562	3.689.086.245	281.577.497	660.760.183	11.948.696.630				
	Tại ngày 31/12/2024	1.004.644.103	5.347.393.767	4.835.730.053	533.283.989	545.845.363	12.266.897.275				

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 24.054.829.624 đồng và 22.176.839.624 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2024	19.012.650.784.851	1.183.149.000	2.987.570.500	19.016.821.504.351
Mua trong năm	-	-	120.000.000	120.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	136.772.091.073	-	-	136.772.091.073
Tặng khác	533.252.855	-	-	533.252.855
Tại ngày 31/12/2024	19.149.956.128.779	1.183.149.000	3.107.570.500	19.154.246.848.279
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2024	2.640.543.531.033	-	1.633.298.445	2.642.176.829.478
Khấu hao trong năm	660.050.701.905	-	346.123.235	660.396.825.140
Tại ngày 31/12/2024	3.300.594.232.938	-	1.979.421.680	3.302.573.654.618
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2024	16.372.107.253.818	1.183.149.000	1.354.272.055	16.374.644.674.873
Tại ngày 31/12/2024	15.849.361.895.841	1.183.149.000	1.128.148.820	15.851.673.193.661

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1

Quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 9.472.955.542.307 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T số 14/HĐ.BOT-GTVT ngày 18 tháng 11 năm 2016 ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và các phụ lục hợp đồng. Dự án này được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 09 tháng 8 năm 2022. Theo phương án tài chính trong phụ lục hợp đồng B.O.T năm 2019, Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 14 năm 8 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong năm là 30,18%.

Tại ngày năm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Công ty dự án"), Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 691.728.230.913 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm 6 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**b. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 3.578.148.197.470 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 14%/năm bao gồm cả giai đoạn đầu tư xây dựng.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ này là 15,35% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 13,426%).

c. Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 05 tháng 7 năm 2021, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 33% (tỷ lệ khấu hao năm trước là 35%).

d. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 1.488.834.908.800 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (thuyết minh bên dưới) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 19 năm 7 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 12%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 12,28%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**e. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 698.254.877.278 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 09 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 01 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 30,81 năm, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng là 8,4%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10,47% (tỷ lệ khấu hao năm trước là 7,77%).

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

f. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 23% doanh thu thu phí của dự án.

Tỷ lệ khấu hao của các dự án B.O.T có thể được điều chỉnh khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế hàng năm.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V.20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý***Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm*

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bầy. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ 0h00 ngày 01 tháng 10 năm 2023. Đến thời điểm khóa sổ, Công ty đã khấu hao hết giá trị quyền thu phí và hiện đang làm các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 575.246.181.077 đồng.

Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình là phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 lần lượt là 955.068.500 đồng và 715.000.000 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án trung tu đợt 4 đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	-	32.012.604.651
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.191.060.840	3.191.060.840
Các dự án, hạng mục khác	574.698.465	-
Cộng	36.891.386.840	68.329.293.026

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	68.329.293.026	58.625.364.963
Chi phí đầu tư trong năm	162.041.694.299	345.396.096.120
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(291.544.857)	-
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(136.772.091.073)	(335.672.062.167)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(56.415.964.555)	(20.105.890)
Số dư cuối năm	36.891.386.840	68.329.293.026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Lãi vốn chủ dự án		Lãi vốn chủ và lợi ích tài chính từ các dự án		Dự phòng phải trả người lao động		Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (iii)		Cộng VND
	VND		VND		VND		VND		
a. Tài sản thuế hoãn lại									
Tại ngày 01/01/2023	262.203.048.208		-		375.000.000		-		262.578.048.208
Thuế suất thuế TNDN	20%		20%		20%		20%		20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	20.315.196.386		-		-		-		20.315.196.386
Tại ngày 01/01/2024	241.887.851.822		-		375.000.000		-		242.262.851.822
Thuế suất thuế TNDN	20%		5%-14,23%		20%		20%		20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	20.157.320.988		(23.175.006.387)		-		-		(3.017.685.399)
Tại ngày 31/12/2024	221.730.530.834		23.175.006.387		375.000.000		-		245.280.537.221
b. Thuế hoãn lại phải trả									
Tại ngày 01/01/2023	-		-		-		34.127.253.457		34.127.253.457
Thuế suất thuế TNDN	N/A		N/A		20%		20%		20%
Tăng do hợp nhất công ty con trong năm	-		-		-		138.345.646.183		138.345.646.183
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-		-		-		(5.292.136.687)		(5.292.136.687)
Tại ngày 01/01/2024	-		-		-		167.180.762.953		167.180.762.953
Thuế suất thuế TNDN	N/A		N/A		20%		20%		20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-		-		-		(12.978.005.920)		(12.978.005.920)
Tại ngày 31/12/2024	-		-		-		154.202.757.033		154.202.757.033
Tổng chi phí/(thu nhập) thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất									(15.995.691.319)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hay khi nợ phải trả được thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

- (i) Theo hợp đồng B.O.T Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội, Công ty được hưởng lãi bảo toàn vốn chủ trong thời gian thi công là 14%/năm. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ phát sinh trong giai đoạn này được ghi nhận vào thu nhập tài chính của kỳ phát sinh và sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí khi dự án đi vào hoạt động. Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ nêu trên, đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại để phản ánh khoản thuế sẽ được khấu trừ trong tương lai khi phát sinh doanh thu thu phí. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, số dư lãi bảo toàn vốn chủ của của Dự án còn được khấu trừ là 1.108.652.654.215 đồng (xem *Thuyết minh V.6*), theo đó giá trị thuế thu nhập còn được khấu trừ tương ứng là 221.730.530.834 đồng.
- (ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ lãi vốn chủ và quyền phải thu từ các Dự án B.O.T khác bao gồm:
- Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận: Công ty ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lãi bảo toàn vốn chủ và chênh lệch lãi suất đi vay của dự án là 299.669.584.999 đồng với mức thuế suất 5%, tương ứng 14.983.479.250 đồng. Thuế suất được sử dụng để ghi nhận thuế hoãn lại là thuế suất ưu đãi của Dự án vì Công ty dự kiến sẽ thu hồi đủ các khoản lợi ích này trong thời gian dự án được ưu đãi thuế;
 - Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương: số dư lãi vốn chủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 57.565.194.220 đồng, thuế hoãn lại tương ứng là 8.191.527.137 đồng. Thuế suất được sử dụng để ghi nhận tài sản thuế hoãn lại của dự án này là 14,23%, được tính theo thuế suất bình quân của các kỳ dự kiến thu hồi tài sản.
- (iii) Số dư cuối năm là thuế thu nhập hoãn lại phải trả của các giao dịch hợp nhất kinh doanh như sau:
- Chênh lệch phát sinh khi Công ty đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tại ngày hợp nhất kinh doanh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 627.679.320.643 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 125.535.864.129 đồng.
 - Chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ tại ngày hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 143.334.464.525 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 28.666.892.904 đồng.

Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	529.238.257.458
Tại ngày 31/12/2024	529.238.257.458
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	249.688.439.724
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	33.981.432.116
Tại ngày 31/12/2024	283.669.871.840
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	279.549.817.734
Tại ngày 31/12/2024	245.568.385.618

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	<i>Giá trị ghi sổ đồng thời là số có khả năng thanh toán</i>	
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	66.258.027.465	239.665.916.140
Phải trả các nhà cung cấp khác	323.582.271.313	383.716.592.956
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	37.328.789.023	105.047.656.180
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	83.562.382.137	71.877.933.336
Các đối tượng khác	202.691.100.153	206.791.003.440
Cộng	389.840.298.778	623.382.509.096

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	-	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.656.060.889	1.656.060.889
Cộng	1.656.060.889	464.506.440.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2024 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2024 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.316.741.198	5.068.511	-	1.311.672.687
Thuế giá trị gia tăng	489.865.770	-	-	489.865.770
Thuế thu nhập cá nhân	147.985.796	2.448.989	-	145.536.807
Cộng	1.954.592.764	7.517.500	-	1.947.075.264
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	7.642.466.843	166.759.948.893	162.641.625.529	11.760.790.207
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.063.848.962	49.075.681.028	25.950.430.594	32.189.099.396
Thuế thu nhập cá nhân	322.696.348	3.282.291.225	3.095.039.060	509.948.513
Tiền thuê đất, thuế đất	-	2.549.335.297	2.549.335.297	-
Các khoản khác	-	33.754.847	33.754.847	-
Cộng	17.029.012.153	221.701.011.290	194.270.185.327	44.459.838.116

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	67.273.817.838	76.376.696.239
Trích trước chi phí trung tu, duy tu, thi công	28.340.916.194	54.991.211.467
Chi phí phải trả khác	10.527.310.947	8.777.657.220
Cộng	106.142.044.979	140.145.564.926
Trong đó, chi phí phải trả cho bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	9.467.476.028	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. Phải trả khác**

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận phải trả	501.898.882.705	780.972.874.571
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (i)	50.394.639.319	-
Phải trả chi phí sử dụng vốn	12.948.701.521	375.261.074
Các khoản thu hộ	8.115.434.264	3.351.653.113
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.668.189.537	21.579.293.554
	582.025.847.346	806.279.082.312
b. Dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (i)	3.486.854.873.296	2.264.683.658.739
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	8.536.091.258
Nhận ký quỹ, ký cược	1.312.091.258	76.000.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	-	68.414.328.860
	3.495.466.964.554	2.341.710.078.857
Cộng các khoản phải trả khác	4.077.492.811.900	3.147.989.161.169
Trong đó, phải trả các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	4.016.952.766.562	2.936.268.377.010

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 965.000.000.000 đồng.
- Khoản phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 902.980.382.919 đồng.
- Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 878.652.639.319 đồng.
- Khoản vốn nhận hợp tác để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (trước đây là hợp tác với Công ty CII) có giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 790.616.490.377 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng từ đi vay VND	Giảm do thanh toán nợ vay VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty CII - Công ty mẹ	34.132.281.037	34.132.281.037	70.624.959.505	54.615.784.614	18.123.106.146	18.123.106.146
Công ty Cổ phần Tập đoàn						
Đèo Cả	17.976.340.170	17.976.340.170	1.602.829.631	-	16.373.510.539	16.373.510.539
Ngân hàng HDBank	-	-	50.000.000	550.000.000	500.000.000	500.000.000
Ngân hàng BIDV - CN Tây						
Sài Gòn	-	-	-	4.161.639.224	4.161.639.224	4.161.639.224
Vay dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>	514.000.000.000	514.000.000.000			978.273.054.311	978.273.054.311
Trái phiếu đến hạn (xem <i>Thuyết minh b)</i>	35.058.461.538	35.058.461.538			-	-
Cộng	601.167.082.745	601.167.082.745	72.277.789.136	59.327.423.838	1.017.431.310.220	1.017.431.310.220

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	17.029.724.582	3 năm	21/07/2025	Lãi suất trong năm là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	6.302.556.455	1 năm	13/04/2025		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	10.800.000.000	1 năm	13/04/2025		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	34.132.281.037					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	17.976.340.170	12 tháng	30/11/2025	Lãi suất trong năm là 9,35%	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2024		Phát sinh trong năm		01/01/2024	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng từ đi vay VND	Giảm do thanh toán nợ vay VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngân hàng	9.606.174.989.170	9.606.174.989.170	10.200.000.000	2.288.513.269.348	11.884.488.258.518	11.884.488.258.518
Ngân hàng Vietcombank - CN TP. Hồ Chí Minh	8.618.351.483.479	8.618.351.483.479	-	539.079.630.309	9.157.431.113.788	9.157.431.113.788
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	509.999.379.211	509.999.379.211	-	126.000.000.000	635.999.379.211	635.999.379.211
Ngân hàng BIDV - CN TP. Hồ Chí Minh	477.824.126.480	477.824.126.480	-	75.296.000.000	553.120.126.480	553.120.126.480
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	-	-	10.200.000.000	1.200.001.620.354	1.189.801.620.354	1.189.801.620.354
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	-	-	-	348.136.018.685	348.136.018.685	348.136.018.685
Vay bên liên quan	1.601.262.949.234	1.601.262.949.234	973.086.476.054	585.306.631.234	1.213.483.104.414	1.213.483.104.414
Công ty CII - Công ty mẹ	1.095.643.772.172	1.095.643.772.172	443.826.395.779	561.665.728.021	1.213.483.104.414	1.213.483.104.414
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	505.619.177.062	505.619.177.062	529.260.080.275	23.640.903.213	-	-
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(514.000.000.000)	(514.000.000.000)	-	-	(978.273.054.311)	(978.273.054.311)
Trái phiếu phát hành	1.673.911.185.851	1.674.941.538.462	1.748.969.647.389	40.000.000.000	-	-
Trái phiếu BNTCH2433001	1.184.487.000.000	1.185.000.000.000	1.199.487.000.000	15.000.000.000	-	-
Trái phiếu HNHCH2433001	524.482.647.389	525.000.000.000	549.482.647.389	25.000.000.000	-	-
Trừ: Mệnh giá trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới	(35.000.000.000)	(35.000.000.000)	-	-	-	-
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển vào chi phí trong 12 tháng tới	(58.461.538)	(58.461.538)	-	-	-	-
Cộng	12.367.349.124.255	12.368.379.476.866	2.732.256.123.443	2.913.819.900.582	12.119.698.308.621	12.119.698.308.621

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	4.856.396.691	Tối đa 144 tháng, không vượt quá ngày 09/01/2035		Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,35%-8,55%	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	<div>- Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng B.O.T; - Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đông góp vốn trong công ty và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; - Toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CII và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này; - Bảo lãnh của Công ty CII và CII B&R cam kết trả nợ thay cho Công ty Trung Lương Mỹ Thuận trong trường hợp các cổ đông góp vốn không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ.</div>
	1.898.000.000.000	Tối đa 168 tháng, không vượt quá 6 tháng trước khi kết thúc dự án				
	1.863.955.113.788	7 năm	26/11/2029	Thả nổi, lãi suất trong năm là 7,8-8,0%	Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	509.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong năm là 7,70%-8,24%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cỏ Chiên	Các lợi ích kinh tế từ quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.
Ngân hàng BIDV - CN TP. Hồ Chí Minh	477.824.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,2%-8,8%	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cỏ Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
Công ty CII	1.095.643.772.172	Tương đương thời gian thu phí của dự án, dự kiến là 14		10,50%	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	505.619.177.062	10 năm	31/12/2033	10,50%	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)***Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn****Trái phiếu BNTCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 1.200 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 12.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 29 tháng 01 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 29 tháng 10 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng tổng của 3%/năm và lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng (loại lãi trả sau và được huy động tại quầy) của 2 (hai) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (làm tròn lên đến hai chữ số ở phần thập phân);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty, cụ thể là thanh toán khoản nợ vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 theo Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTDDA/NHCT942-BOT NINH THUẬN ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, Công ty đã mua lại trước hạn 150 trái phiếu với tổng mệnh giá 15.000.000.000 đồng.

Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.500;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 07 tháng 02 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 07 tháng 11 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,1%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng bình quân lãi suất cho vay trung hạn được công bố của 4 (bốn) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành đã được phê duyệt: thanh toán một phần khoản nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0037/2338/D-TL/01 ngày 15 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 100 tỷ đồng, chi đầu tư cho dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ Ngã Ba trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao với tổng giá trị là 450 tỷ đồng. Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã sử dụng 100 tỷ đồng để trả nợ vay cho Ngân hàng Ngoại thương và 25.151.988.578 đồng để thanh toán chi phí đầu tư cho dự án. Khoản tiền thu từ phát hành trái phiếu tạm thời chưa sử dụng đang được Công ty gửi vào các tài khoản tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng* (tiếp theo)

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, Công ty đã mua lại trước hạn 250 trái phiếu với tổng mệnh giá 25.000.000.000 đồng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:*Lịch thanh toán của các khoản vay dài hạn*

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	514.000.000.000	978.273.054.311
Trong năm thứ hai	307.520.000.000	1.121.930.862.353
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.957.110.492.999	2.951.475.372.876
Sau năm năm	7.428.807.445.405	8.046.292.073.392
	11.207.437.938.404	13.097.971.362.932
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(514.000.000.000)	(978.273.054.311)
Cộng	10.693.437.938.404	12.119.698.308.621

Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	35.000.000.000	-
Trong năm thứ hai	65.000.000.000	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	275.000.000.000	-
Sau năm năm	1.335.000.000.000	-
	1.710.000.000.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(35.000.000.000)	-
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(1.088.814.149)	-
Cộng	1.673.911.185.851	-

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ phân bổ dần vào chi phí lãi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.471.639.564.814	1.333.596.674.378	4.843.469.811.885
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	691.595.269.613	235.633.642.920	927.228.912.533
Chia cổ tức	-	-	-	(694.277.154.000)	(154.550.037.409)	(848.827.191.409)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(4.012.499.052)	-	(4.012.499.052)
Tặng do hợp nhất công ty con	-	-	-	-	265.998.988.819	265.998.988.819
Tại ngày 31/12/2023	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.464.945.181.375	1.680.679.268.708	5.183.858.022.776
Tại ngày 01/01/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.464.945.181.375	1.680.679.268.708	5.183.858.022.776
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	531.809.949.326	259.834.222.707	791.644.172.033
Chia cổ tức	-	-	-	(96.427.382.500)	(198.685.159.678)	(295.112.542.178)
Cổ đông không kiểm soát góp thêm vốn	-	-	-	-	13.136.200.000	13.136.200.000
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(8.041.839.605)	(648.303.600)	(8.690.143.205)
Tại ngày 31/12/2024	1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.892.285.908.596	1.754.316.228.137	5.684.835.709.426

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 4 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2023 với tỷ lệ 11% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến là 12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 và 20% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế của các năm trước.

Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2023 với tỷ lệ 6% trong năm 2023. Phần cổ tức còn lại tương ứng với tỷ lệ 5% đã được thanh toán cho cổ đông bằng tiền trong năm 2024.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	2.559.759.970.359	1.687.046.307.620
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.537.196.148	9.540.234.331
Doanh thu hoạt động duy tu, xây lắp công trình	18.710.335.568	6.044.278.343
	2.606.007.502.075	1.702.630.820.294
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
Doanh thu thuần	2.503.558.386.331	1.597.024.196.656
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	41.796.109.665	12.362.916.291

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2024 VND	2023 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	779.505.816.729	515.403.092.750
Giá vốn cung cấp dịch vụ	17.707.371.975	8.218.383.585
Giá vốn hoạt động duy tu, xây lắp công trình	16.592.678.188	3.116.304.605
Cộng	813.805.866.892	526.737.780.940

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập tài chính từ dự án B.O.T (i)	359.042.773.308	16.315.734.081
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	95.715.163.053	70.773.925.815
Lãi từ đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại Công ty Trung Lương - Mỹ Thuận khi nắm quyền kiểm soát	-	331.137.608.472
Cộng	454.757.936.361	418.227.268.368

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem *Thuyết minh VII.4*)

	87.027.904.049	42.268.418.459
--	----------------	----------------

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh V.6, khoản thu nhập phát sinh trong năm là các khoản lợi ích tài chính từ một số dự án B.O.T Công ty đang đầu tư và khai thác, được ghi nhận do ảnh hưởng từ việc thay đổi ước tính kế toán liên quan đến các quyền phải thu của Công ty đối với các dự án này.

4. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay, hợp tác đầu tư và lãi trái phiếu	1.007.557.010.065	344.029.156.218
Chi phí làm thủ tục vay, phát hành trái phiếu	11.330.193.932	1.181.484.201
Cộng	1.018.887.203.997	345.210.640.419

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem *Thuyết minh VII.4*)

	509.592.707.787	95.165.806.592
--	-----------------	----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	93.389.668.504	86.143.702.775
Chi phí lương nhân viên	6.481.693.857	5.226.866.828
Chi phí vận hành trạm thu phí	13.440.124.071	12.394.161.765
Các khoản chi phí bán hàng khác	11.097.895.847	11.138.134.496
Cộng	124.409.382.279	114.902.865.864
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	44.626.612.146	49.993.220.154

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2024 VND	2023 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	33.981.432.116	15.098.507.951
Chi phí lương nhân viên	28.331.159.093	16.474.454.497
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	1.397.418.012	1.039.843.479
Chi phí khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định vô hình từ hợp nhất kinh doanh	66.134.810.126	28.401.803.953
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	18.493.614.810	51.176.018.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.530.211.391	7.143.060.745
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.346.004.526	11.805.726.915
Cộng	176.214.650.074	131.139.415.722
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	709.545.304	26.400.000

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.197.042.328	998.741.364
Chi phí nhân công	70.703.975.881	33.425.989.951
Chi phí khấu hao tài sản cố định	663.565.907.822	395.215.619.156
Chi phí dự phòng	18.493.614.810	49.482.670.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.166.274.821	269.475.811.951
Chi phí bằng tiền khác	34.001.054.150	11.806.532.248
Cộng	1.104.127.869.812	760.405.364.849

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2024			2023		
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Cộng VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Cộng VND
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	1.367.775.702.550	(543.046.472.297)	824.729.230.253	771.409.463.153	193.777.149.658	965.186.612.811
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chiếu thuế	86.967.370.781	515.406.962.525	602.374.333.306	(348.489.276)	(242.679.707.356)	(243.028.196.631)
Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	64.890.029.596	64.890.029.596	-	26.460.683.434	26.460.683.434
Lợi thế thương mại phân bổ	-	33.981.432.116	33.981.432.116	-	15.098.507.951	15.098.507.951
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	(331.137.608.472)	-
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	(69.551.025.106)	(69.551.025.106)
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	-	222.753.129.493	222.753.129.493	-	70.196.898.288	70.196.898.288
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	-	-	-	(5.024.475.588)	(5.024.475.588)
Chi phí không được trừ	86.967.370.781	193.782.371.320	280.749.742.101	(348.489.276)	51.277.312.137	50.928.822.862
Tổng thu nhập chịu thuế	1.454.743.073.331	(27.639.509.772)	1.427.103.563.559	771.060.973.877	(48.902.557.698)	722.158.416.180
Bù trừ lãi và lỗ giữa các hoạt động	(114.029.430.045)	114.029.430.045	-	(106.760.940.697)	106.760.940.697	-
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	-	(692.121.497)	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	1.340.713.643.286	86.389.920.273	1.427.103.563.559	663.607.911.683	57.858.382.999	722.158.416.180
Thu nhập tính thuế 20%	101.653.548.950	86.389.920.273	188.043.469.223	103.306.373.057	57.858.382.999	161.164.756.056
Thu nhập tính thuế 10%	1.239.060.094.336	-	1.239.060.094.336	560.301.538.626	-	560.301.538.626
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	144.236.719.224	17.277.984.054	161.514.703.278	76.691.428.474	11.571.676.601	88.263.105.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(88.987.502.854)	-	(88.987.502.854)	(59.491.098.202)	-	(59.491.098.202)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% (i)	(23.446.450.885)	-	(23.446.450.885)	(5.837.366.294)	-	(5.837.366.294)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.802.765.485	17.277.984.054	49.080.749.539	11.362.963.978	11.571.676.601	22.934.640.579

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành** (tiếp theo)

- (i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	531.809.949.326	691.595.269.613
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(7.630.242.879)	(6.977.232.619)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	524.179.706.447	684.618.036.994
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.718	3.550

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 23 tháng 4 năm 2024.

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 2,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	2024 VND	2023 VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	11.852.829.631	9.314.089.237.172
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	1.748.860.000.000	-
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	1.146.315.552.984	3.230.862.094.628
	2.907.028.382.615	12.544.951.331.800

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm (mã số 34)

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.707.918.277.338	7.944.530.807.950
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	40.000.000.000	-
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	263.153.356.974	3.617.229.043.283
	2.011.071.634.312	11.561.759.851.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Trong vòng một năm	3.115.886.801	4.030.021.971
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.904.029.091	7.855.179.237
Cộng	6.019.915.892	11.885.201.208

3. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông và các dịch vụ khác.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.457.310.854.615	18.710.335.568	27.537.196.148	-	2.503.558.386.331
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	90.271.130.620	20.539.587.358	(110.810.717.978)	-
Cộng	2.457.310.854.615	108.981.466.188	48.076.783.506	(110.810.717.978)	2.503.558.386.331
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	779.505.816.729	16.592.678.188	17.707.371.975	-	813.805.866.892
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	82.034.437.156	13.835.614.150	(95.870.051.306)	-
Cộng	779.505.816.729	98.627.115.344	31.542.986.125	(95.870.051.306)	813.805.866.892
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.677.805.037.886	10.354.350.844	16.533.797.381	(14.940.666.672)	1.689.752.519.439
Doanh thu hoạt động tài chính					454.757.936.361
Chi phí tài chính					1.018.887.203.997
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					-
Chi phí bán hàng					124.409.382.279
Chi phí quản lý doanh nghiệp					176.214.650.074
Thu nhập khác					65.354.000
Chi phí khác					335.343.197
Chi phí thuế TNDN hiện hành					49.080.749.539
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(15.995.691.319)
Tổng lợi nhuận sau thuế					791.644.172.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.581.439.683.982	6.044.278.343	9.540.234.331	-	1.597.024.196.656
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	39.744.575.293	9.961.007.796	(49.705.583.089)	-
Cộng	1.581.439.683.982	45.788.853.636	19.501.242.127	(49.705.583.089)	1.597.024.196.656
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	515.403.092.750	2.700.277.309	8.634.410.881	-	526.737.780.940
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	39.744.575.293	2.958.296.757	(42.702.872.050)	-
Cộng	515.403.092.750	42.444.852.602	11.592.707.638	(42.702.872.050)	526.737.780.940
Lợi nhuận gộp bộ phận	1.066.036.591.232	3.344.001.034	7.908.534.489	(7.002.711.039)	1.070.286.415.716
Doanh thu hoạt động tài chính					418.227.268.368
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					69.551.025.106
Chi phí tài chính					345.210.640.419
Chi phí bán hàng					114.902.865.864
Chi phí quản lý doanh nghiệp					131.139.415.722
Thu nhập khác					5.312.057.117
Chi phí khác					6.937.231.491
Chi phí thuế TNDN hiện hành					22.934.640.579
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					15.023.059.699
Tổng lợi nhuận sau thuế					927.228.912.533

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tiền Giang, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, dịch vụ cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Ninh Thuận		Tỉnh Bến Tre		Tỉnh Bình Dương		Tỉnh Trà Vinh		Loại trừ nội bộ		Tổng cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Bảng cân đối kế toán																
Tại ngày 31/12/2024																
Tài sản ngắn hạn	2.631.548.740.388	341.596.983.972	259.946.771.657	380.929.832.927	93.939.287.841	14.929.040.850	(1.780.096.587.995)	1.942.794.069.640								
Tài sản dài hạn	5.779.322.958.200	10.006.428.441.811	2.913.038.877.978	1.064.298.133.632	711.058.469.634	822.371.475.624	224.199.320.642	21.520.717.677.521								
Nợ phải trả	7.883.565.212.646	8.597.258.975.685	2.038.317.834.714	529.388.940.284	306.215.327.433	481.970.470.840	(2.058.040.723.867)	17.778.676.037.735								
Tại ngày 01/01/2024																
Tài sản ngắn hạn	1.996.519.300.695	315.903.179.213	268.225.207.354	355.103.651.381	80.455.796.025	15.119.578.191	(1.303.365.423.036)	1.727.961.289.823								
Tài sản dài hạn	5.816.539.424.018	9.939.376.655.607	2.518.493.900.847	1.113.515.855.989	669.282.416.471	835.295.347.602	293.238.448.858	21.185.742.049.392								
Nợ phải trả	7.428.493.002.301	8.498.143.886.178	1.879.833.938.073	656.265.563.198	262.689.018.538	557.681.641.415	(1.553.261.733.264)	17.729.845.316.439								
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh																
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024																
Doanh thu thuần	620.207.328.472	1.079.169.449.716	225.982.723.442	260.037.649.090	293.172.471.267	135.799.482.322	(110.810.717.978)	2.503.558.386.331								
Giá vốn	168.960.258.354	367.589.072.241	66.856.660.848	108.688.473.011	161.281.870.402	36.299.583.342	(95.870.051.306)	813.805.866.892								
Lợi nhuận gộp	451.247.070.118	711.580.377.475	159.126.062.594	151.349.176.079	131.890.600.865	99.499.898.980	(14.940.666.672)	1.689.752.519.439								
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023																
Doanh thu thuần	698.215.559.378	214.094.311.766	267.981.932.904	254.110.800.455	101.568.189.805	110.758.985.437	(49.705.583.089)	1.597.024.196.656								
Giá vốn	149.482.218.882	66.214.592.600	145.449.903.302	100.696.732.542	36.887.223.471	28.007.110.143	-	526.737.780.940								
Lợi nhuận gộp	548.733.340.496	147.879.719.166	122.532.029.602	153.414.067.913	64.680.966.334	82.751.875.294	(49.705.583.089)	1.070.286.415.716								

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Bên liên quan

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII (trước đây là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII ("CII Invest") (trước đây là Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bầy (NBB)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	4.465.362.542	16.892.302.726
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Cộng	4.971.752.607	17.398.692.791
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CII E&C	9.700.490	9.700.490
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CII	560.831.578.585	557.242.995.632
Phải thu khác		
Lãi cho vay, hỗ trợ vốn	6.194.174.632	1.950.808.218
Công ty CII E&C	5.471.242.466	-
Công ty CII	722.932.166	1.950.808.218
Tiền doanh thu thu phí giao thông		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	168.043.000	426.752.000
Cộng phải thu khác	6.362.217.632	2.377.560.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính (tiếp theo)

	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CII E&C	44.735.873.223	65.514.832.519
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	21.522.154.242	15.372.781.819
Công ty CII	-	158.773.301.802
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	5.000.000
Cộng	66.258.027.465	239.665.916.140
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty CII	-	462.850.380.000
Chi phí phải trả - Lãi trái phiếu		
Công ty CII Invest	9.467.476.028	-
Phải trả khác		
Các khoản hợp tác đầu tư	3.537.249.512.615	2.264.683.658.739
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	965.000.000.000	615.000.547.946
Công ty CII E&C	902.980.382.919	756.878.767.123
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	878.652.639.319	892.804.343.670
Công ty CII Invest	790.616.490.377	-
Cổ tức phải trả	466.510.509.426	602.318.645.972
Công ty CII	463.777.405.702	597.038.269.143
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	2.733.103.724	5.280.376.829
Phải trả chi phí sử dụng vốn		
Công ty CII	12.948.701.521	68.763.320.299
Khoản thu hộ về phí giao thông		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	168.043.000	426.752.000
Nhận ký quỹ, ký cược		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	76.000.000	76.000.000
Cộng phải trả khác	4.016.952.766.562	2.936.268.377.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
Công ty CII		
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	1.750.000.000.000	-
Chuyển tiền mua lại trái phiếu	40.000.000.000	-
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	484.005.747.778	47.306.430.154
Nhận tiền hỗ trợ vốn	231.865.376.037	262.347.191.188
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	66.113.227.010	3.617.229.043.283
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	235.132.888.201	427.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	180.683.129.554	56.757.382.408
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	55.206.661.583	27.265.953.159
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	201.130.477.400	323.687.534.923
Chi trả cổ tức trong năm	334.391.340.841	-
Mua dịch vụ	154.545.455	163.636.364
Thanh toán lãi vay	-	385.526.224.676
Thu hồi tiền chuyển nhượng vốn trong công ty Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Công ty CII E&C		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	430.000.000.000	-
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	430.000.000.000	-
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	31.821.242.466	-
Chi phí hợp tác đầu tư	80.191.546.516	6.878.767.123
Chuyển trả tiền lãi hợp tác đầu tư	67.731.891.781	-
Chi phí thi công công trình	22.459.340.553	34.202.039.911
Nhận tiền hợp tác đầu tư	207.500.000.000	750.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	43.644.617.081	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII		
Chi phí duy tu, xây lắp, cảnh quan, sửa chữa bảo trì đường bộ	66.387.888.960	77.330.058.455
Chi phí dịch vụ thu phí giao thông	40.684.746.191	39.258.273.819
Chi phí dịch vụ cho thuê nhà và xe	1.041.818.184	-
Cung cấp dịch vụ	41.646.133.065	688.847.730
Chia lợi nhuận	4.108.078.723	-
Thanh toán lợi nhuận	6.655.351.829	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Chi phí hợp tác đầu tư	88.152.188.937	39.980.061.369
Chuyển trả tiền lãi hợp tác đầu tư	70.447.085.590	-
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	4.107.206.620	39.685.717.699
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	892.510.000.000
Mua dịch vụ	219.191.924	163.636.364
Cung cấp dịch vụ	59.976.600	-
Nhận hoàn trả tiền theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	200.000.000.000
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	-	7.833.980.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	2024 VND	2023 VND
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	386.000.000.000	614.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	28.000.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	104.008.748.628	1.000.547.946
Thanh toán tiền lãi hợp tác đầu tư	82.980.205.479	-
Mua dịch vụ	3.442.522.360	3.352.263.007
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Mua dịch vụ	277.777.776	69.444.444
Cung cấp dịch vụ	90.000.000	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	-	400.000.000.000
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	-	6.334.246.575
Công ty CII Invest		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	27.500.000.000	-
Chi phí hợp tác đầu tư	12.194.810.105	-

Trong năm, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	200.745.000	-
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	69.772.000	200.625.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch	216.414.000	160.500.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	134.128.333	-
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	46.216.667	133.750.000
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên	180.345.000	133.750.000
Ông Đặng Quang Phục	Thư ký	54.100.000	-
Cộng		1.442.756.000	1.029.875.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong năm, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	106.765.667	-
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12/04/2023)	37.510.333	107.000.000
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	108.207.000	80.250.000
Cộng		360.690.000	267.500.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm:

Họ và tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	2.078.201.048	1.708.279.175
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	1.166.524.995	926.695.057
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2023)	-	203.153.187
Bà Lương Thị Thu Yến	Kế toán trưởng	765.684.192	631.610.118
Cộng		4.010.410.235	3.469.737.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 06 tháng 3 năm 2025

N.H.H
★
L.

C.P
★
HN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Jose Ma. Kamantigue Lim	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Luis Soriano Renon	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025

Số: 2237/2025/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2025, từ trang 4 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Lương Giang Thạch

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2023-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.963.564.542.775	1.972.722.219.839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	15.237.336.550	14.279.355.620
1. Tiền	111		6.737.336.550	3.779.355.620
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.500.000.000	10.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		265.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	265.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.679.567.883.089	1.954.840.442.475
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.181.037.073	31.910.894.537
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	883.078.900	1.965.912.880
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	99.334.842.404	497.150.167.627
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.584.711.669.787	1.458.356.212.506
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	608.083.898	490.268.859
1. Hàng tồn kho	141		608.083.898	490.268.859
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.151.239.238	3.112.152.885
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	60.150.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.483.941.913	1.384.705.560
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.667.297.325	1.667.297.325
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.155.556.779.384	4.775.271.984.212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		459.390.925.800	404.674.200.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	458.674.200.000	404.674.200.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	716.725.800	-
II. Tài sản cố định	220		2.902.727.774	3.144.808.203
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.826.061.107	3.144.808.203
- Nguyên giá	222		6.823.006.016	6.823.006.016
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.996.944.909)	(3.678.197.813)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	76.666.667	-
- Nguyên giá	228		130.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.333.333)	(50.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	175.100.465
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	175.100.465
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.687.715.708.847	4.364.680.402.847
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	4.687.715.708.847	4.364.680.402.847
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.547.416.963	2.597.472.697
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	5.547.416.963	2.597.472.697
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.119.121.322.159	6.747.994.204.051

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.212.226.162.069	3.951.575.700.880
I. Nợ ngắn hạn	310		819.606.867.244	457.420.827.584
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	14.909.635.497	21.369.755.681
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.875.433.358	1.875.433.358
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	1.253.959.505	245.610.821
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		185.386.302	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	485.092.455.335	395.550.607.323
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	309.076.994.579	34.132.281.037
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.213.002.668	4.247.139.364
II. Nợ dài hạn	330		3.392.619.294.825	3.494.154.873.296
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	3.392.619.294.825	3.494.154.873.296
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.906.895.160.090	2.796.418.503.171
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	2.906.895.160.090	2.796.418.503.171
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		91.212.950.485	91.212.950.485
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		883.476.811.509	773.000.154.590
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		765.369.911.710	467.790.439.415
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		118.106.899.799	305.209.715.175
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		7.119.121.322.159	6.747.994.204.051

Phùng Thị Thắm
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.861.375.377	3.682.212.033
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10		3.861.375.377	3.682.212.033
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	3.727.722.313	4.288.906.194
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		133.653.064	(606.694.161)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	309.769.865.522	260.113.955.120
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	186.645.895.073	138.088.082.711
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		186.645.895.073	138.088.082.711
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	5.114.726.485	4.910.483.248
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		118.142.897.028	116.508.695.000
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		35.997.229	369.861
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(35.997.229)	(369.861)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		118.106.899.799	116.508.325.139
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		118.106.899.799	116.508.325.139


Phùng Thị Thắm
 Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Chính
 Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	118.106.899.799	116.508.325.139
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	322.080.429	321.179.196
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(309.769.865.522)	(260.113.955.120)
Chi phí lãi vay	06	186.645.895.073	138.088.082.711
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.694.990.221)	(5.196.368.074)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	1.150.106.681	(2.177.470.054)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	57.285.426	(417.919.139)
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.347.536.906)	(2.232.868.930)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(2.889.794.266)	534.172.222
Tiền lãi vay đã trả	14	(132.833.352.755)	(120.833.174.336)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.138.331.000)	(1.649.175.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(148.696.613.041)	(131.972.803.311)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(80.000.000)	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(356.185.000.000)	(47.694.200.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	414.392.889.814	120.194.782.481
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(323.035.306.000)	(26.532.087.785)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	186.527.032.805	89.572.807.361
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(78.380.383.381)	135.541.302.057
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	745.000.000.000	445.749.959.505
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(516.965.022.648)	(397.048.084.933)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(385.709.530.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	228.034.977.352	(337.007.655.428)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	957.980.930	(333.439.156.682)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.279.355.620	376.864.985.966
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	15.237.336.550	43.425.829.284



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 08 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CI"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%, trong đó sở hữu trực tiếp 49,84% và sở hữu gián tiếp 5% thông qua Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 32 và 35 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đang đầu tư vào các công ty con sau:

Tên công ty	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ				Hoạt động chính
	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết nắm giữ (%)	Tỷ lệ lợi ích		
	Tổng tỷ lệ	Sở hữu trực tiếp (%)		Sở hữu gián tiếp (%)	Tổng tỷ lệ		Sở hữu trực tiếp (%)	Sở hữu gián tiếp (%)	
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (i)	89%	89%	89%	0%	89%	89%	0%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	51%	0%	51%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	
3. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	100%	0%	100%	100%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	
4. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50,36%	50,71%	50,36%	0%	50,71%	50,71%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	
5. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	51%	0%	51%	51%	0%	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên	
6. Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Cầu Đường Hiền An Bình) (ii)	100%	100%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường	
7. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	99,99%	0%	99,99%	99,99%	0%	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm	
8. Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	66,67%	66,67%	66,67%	0%	66,67%	66,67%	0%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông, duy trì bảo dưỡng cầu đường, trồng và chăm sóc cây xanh và các dịch vụ hạ tầng khác	
9. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình)	100%	100%	99,99%	100%	99,99%	0%	99,99%	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.
- (ii) Ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng 0,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình, nâng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này từ 99,99% lên 100%. Theo đó, Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình đã thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thực hiện theo chủ trương tái cấu trúc các danh mục đầu tư đã được Hội đồng Quản trị Công ty CII phê duyệt trong năm 2024, từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 đến ngày 16 tháng 5 năm 2025, Công ty CII đã chuyển nhượng 3,850 triệu cổ phiếu của Công ty, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 1.99%, cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII ("Công ty CII Invest"). Theo đó, Công ty CII hiện đang nắm giữ trực tiếp 49,84% và nắm giữ gián tiếp 5% quyền biểu quyết trong Công ty thông qua Công ty CII Invest.

Sau khi nắm giữ toàn bộ vốn trong Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình, Công ty đã góp vốn bổ sung 323 tỷ đồng vào công ty con này theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Do đó thông tin trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính và kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)*Đầu tư vào công ty con* (tiếp theo)

Công ty ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi các công ty này bị lỗ hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho** (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó bao gồm chi phí sửa chữa văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.737.336.550	3.779.355.620
Các khoản tương đương tiền	8.500.000.000	10.500.000.000
Cộng	15.237.336.550	14.279.355.620

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Số dư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ của khoản tương đương tiền này bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	265.000.000.000	-

Số dư cuối kỳ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 175 ngày đến 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tây Sài Gòn, lãi suất dao động từ 4,3% đến 4,5%/năm. Tất cả các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn này đang được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (xem thêm Thuyết minh V.17).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	5.884.153.168	8.614.010.632
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.482.780.198
Các khách hàng khác	9.768.622.966	9.768.622.966
Cộng	29.181.037.073	31.910.894.537

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	-	540.430.980
Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Xây dựng Minh Đạt	850.000.000	850.000.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Giao thông Vận tải - Công ty Cổ phần	-	574.383.000
Các nhà cung cấp khác	33.078.900	1.098.900
Cộng	883.078.900	1.965.912.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	99.334.842.404	497.150.167.627
b. Phải thu về cho vay dài hạn		
Các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	457.480.000.000	403.480.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	1.194.200.000	1.194.200.000
	458.674.200.000	404.674.200.000
Tổng cộng phải thu về cho vay	558.009.042.404	901.824.367.627

Số dư cuối kỳ của các khoản cho vay với bên liên quan bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho Công ty CII theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng là vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 99.334.842.404 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn dài hạn cho Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận với hạn mức theo hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký là 600 tỷ đồng, thời hạn là 5 năm và sẽ đáo hạn vào ngày 06 tháng 11 năm 2030. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là nhằm bổ sung vốn hoạt động kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ từ 10,37%-10,53%/năm. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 457.480.000.000 đồng.

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ Phần Trung Lương - Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận.

6. Phải thu khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.489.908.160.694	1.370.239.808.603
Tạm góp vốn bổ sung vào dự án cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận	47.275.800.000	47.275.800.000
Đặt cọc mua cổ phần (i)	27.726.287.785	27.726.287.785
Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay hỗ trợ vốn	7.890.979.487	3.050.496.907
Các khoản phải thu khác	11.910.441.821	10.063.819.211
Cộng	1.584.711.669.787	1.458.356.212.506
b. Dài hạn		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	716.725.800	-
Tổng cộng	1.585.428.395.587	1.458.356.212.506
Trong đó, phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	1.544.745.787.738	1.420.484.955.167

- (i) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận cam kết chuyển nhượng ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc cam kết bán cho Công ty cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	22.804.269.724	-	(22.804.269.724)	22.804.269.724
Trả trước cho người bán ngắn hạn	850.000.000	-	(850.000.000)	850.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	10.888.475.351	-	(10.888.475.351)	10.888.475.351
Cộng	34.542.745.075	-	(34.542.745.075)	34.542.745.075

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Xóa nợ trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	(34.542.745.075)	(34.542.745.075)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dờ dang	608.083.898	-	490.268.859	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	689.488.888	6.823.006.016						
	854.759.656	460.370.000	4.372.682.072	689.488.888	6.823.006.016						
Giá trị hao mòn lũy kế	819.081.168	104.131.305	2.452.294.939	143.643.525	3.678.197.813						
	3.568.992	32.883.570	165.897.928	57.457.410	318.747.096						
Số dư cuối kỳ	822.650.160	137.014.875	2.618.192.867	201.100.935	3.996.944.909						
Giá trị còn lại	35.678.488	356.238.695	1.920.387.133	545.845.363	3.144.808.203						
	35.678.488	356.238.695	1.920.387.133	545.845.363	3.144.808.203						
Số dư đầu kỳ											
Số dư cuối kỳ	32.109.496	323.355.125	1.754.489.205	488.387.953	2.826.061.107						

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 2.881.534.990 đồng và 1.757.834.954 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Chương trình phần mềm VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	50.000.000
Mua trong kỳ	80.000.000
Số dư cuối kỳ	130.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	50.000.000
Khấu hao trong kỳ	3.333.333
Số dư cuối kỳ	53.333.333
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	76.666.667

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	147.940.699	1.889.009.917.776	-	-	147.940.699	1.889.009.917.776
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	94.350.000	943.500.000.000	-	-	94.350.000	943.500.000.000
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận		607.325.833.333	-	-		607.325.833.333
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)		659.031.334.454	-	-		335.996.028.454
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		242.278.623.284	-	-	28.700.000	242.278.623.284
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	21.998.000	219.980.000.000	-	-	21.998.000	219.980.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên		106.590.000.000	-	-		106.590.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	2.000.000	20.000.000.000	-	-	2.000.000	20.000.000.000
Cộng		4.687.715.708.847				4.364.680.402.847

Trong kỳ, Công ty nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ các cổ đông là cá nhân và ghi nhận tăng vốn góp vào Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình) ("HAB") với tổng số tiền là 323.035.306.000 đồng. Việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp từ các cổ đông là cá nhân đã làm tăng tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con đạt 100%.

Giá trị hợp lý của các công ty con không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với các khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí nghiên cứu phát triển dự án	3.022.354.301	-
Chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng	2.275.062.662	2.567.314.973
Thiết bị, dụng cụ quản lý xuất dùng		30.157.724
Chi phí trả trước khác	250.000.000	-
Cộng	5.547.416.963	2.597.472.697

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ Giá trị ghi sổ đồng thời là số có khả năng thanh toán VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	897.864.925	850.000.000
Phải trả các bên khác	14.011.770.572	20.519.755.681
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	8.891.476.908	12.082.849.908
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công Nghệ Thiên Ân	221.379.648	2.520.570.858
Các nhà cung cấp khác	1.898.914.016	2.916.334.915
Cộng	14.909.635.497	21.369.755.681

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Người mua trả tiền trước là bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	476.098.580	476.098.580
Các khách hàng khác	1.399.334.778	1.399.334.778
Cộng	1.875.433.358	1.875.433.358

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối kỳ VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.177.431.555	-	-	1.177.431.555
Thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh	489.865.770	-	-	489.865.770
Cộng	1.667.297.325	-	-	1.667.297.325
b. Phải nộp				
Thuế đất	-	1.116.463.500	-	1.116.463.500
Thuế thu nhập cá nhân	245.610.821	958.119.316	1.066.234.132	137.496.005
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	245.610.821	2.078.582.816	1.070.234.132	1.253.959.505

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Nhận hoàn vốn đầu tư (i)	219.980.000.000	219.980.000.000
Khoản nhận trước lợi nhuận (ii)	109.549.509.355	110.059.509.355
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	116.749.326.732	50.394.639.319
Phải trả chi phí sử dụng vốn	34.204.595.640	12.948.701.521
Thù lao Hội đồng Quản trị	2.565.621.128	2.157.621.128
Cổ tức phải trả	4.470.000	4.470.000
Các khoản phải trả khác	2.038.932.480	5.666.000
	485.092.455.335	395.550.607.323
b. Dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (iii)	3.385.319.294.825	3.486.854.873.296
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
	3.392.619.294.825	3.494.154.873.296
Cộng	3.877.711.750.160	3.889.705.480.619
Trong đó, phải trả khác cho các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.1)	3.867.802.726.552	3.880.237.723.491

(i) Đây là khoản nhận trước tiền hoàn vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận, công ty con thực hiện dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T. Khoản này sẽ được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư vào công ty con khi dự án hoàn tất việc quyết toán giá trị thu phí và hoàn thành các thủ tục giảm vốn điều lệ.

(ii) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của các công ty con bao gồm Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu với giá trị là 109.549.509.355 đồng. Số tiền này sẽ được kết chuyển vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(iii) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 943.750.000.000 đồng.
- Khoản phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.360.488.014.783 đồng;
- Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 868.139.311.949 đồng;
- Khoản vốn nhận hợp tác để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (trước đây là hợp tác với Công ty CII) có giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 329.691.294.825 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

16. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong năm		Số đầu kỳ	
	Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ đồng thời là giá trị có khả năng thanh toán VND	
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	265.000.000.000		265.000.000.000	-	-	
Công ty CII – Công ty mẹ	44.076.994.579		9.944.713.542	-	34.132.281.037	
Cộng	309.076.994.579		274.944.713.542	-	34.132.281.037	

Chi tiết các khoản hỗ trợ vốn từ Công ty mẹ cuối kỳ bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 23/2020/HĐHT-CII ngày 21 tháng 7 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích hợp tác kinh doanh, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 21 tháng 7 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 26.974.438.124 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 27/2015/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2015 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025, tài sản đảm bảo là cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 6.302.556.455 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 15/2020/HĐ-CII ngày 13 tháng 4 năm 2020 và các phụ lục hợp đồng đã ký nhằm mục đích đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11,5%/năm, đáo hạn vào ngày 13 tháng 4 năm 2025 và không có tài sản đảm bảo. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 10.800.000.000 đồng.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn với thời hạn vay không quá 6 tháng nhằm mục đích góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình. Lãi suất trong kỳ là 4,8% - 5%/năm. Khoản vay trên được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi tổng giá trị 265 tỷ mở tại BIDV (Thuyết minh V.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024							
Số dư đầu kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	571.195.054.533	2.594.613.403.114		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	116.508.325.139	116.508.325.139		
Chia cổ tức	-	-	-	(96.427.382.500)	(96.427.382.500)		
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.581.786.095)	(5.581.786.095)		
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.395.446.523)	(1.395.446.523)		
Số dư cuối kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	584.298.764.554	2.607.717.113.135		
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024							
Số dư đầu kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	584.298.764.554	2.607.717.113.135		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	188.701.390.036	188.701.390.036		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-		
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-		
Số dư cuối kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	773.000.154.590	2.796.418.503.171		
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025							
Số dư đầu kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	773.000.154.590	2.796.418.503.171		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	118.106.899.799	118.106.899.799		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(6.104.194.304)	(6.104.194.304)		
Trích thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.526.048.576)	(1.526.048.576)		
Số dư cuối kỳ	1.928.547.650.000	3.657.748.096	91.212.950.485	883.476.811.509	2.906.895.160.090		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với tỷ lệ 12% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến từ 10-12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2025.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.861.375.377	3.682.212.033
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.1</i>)	3.861.375.377	3.682.212.033

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.727.722.313	4.288.906.194

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	262.168.746.420	211.838.828.367
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	47.601.119.102	48.275.126.753
Cộng	309.769.865.522	260.113.955.120
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.1</i>)	309.429.980.917	259.777.040.227

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay, lãi hợp tác đầu tư	186.645.895.073	138.088.082.711
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.1</i>)	186.460.508.771	137.806.080.049

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.136.393.405	1.627.726.651
Chi phí đồ dùng văn phòng	442.120.525	118.209.162
Chi phí khấu hao	204.995.337	654.473.052
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.188.680.516	278.032.457
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.142.536.702	2.232.041.926
Cộng	5.114.726.485	4.910.483.248

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	118.106.899.799	116.508.325.139
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	61.872.060.301	27.908.903.033
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(262.168.746.420)	(211.838.828.367)
Lỗ tính thuế	(82.189.786.320)	(67.421.600.195)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty con
Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình (trước đây là Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	Công ty con đầu tư gián tiếp
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy (NBB)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Hương Trà	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Công ty liên kết của tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty	Nhân sự quản lý chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.812.882.694	1.842.282.694
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	1.398.286.511	4.757.626.975
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	1.143.894.008	1.143.894.008
Công ty CII	589.383.000	-
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	433.316.890	363.816.890
Cộng	5.884.153.168	8.614.010.632
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	-	540.430.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	99.334.842.404	497.150.167.627
Công ty CII	99.334.842.404	497.150.167.627
Phải thu về cho vay dài hạn	457.480.000.000	403.480.000.000
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	457.480.000.000	403.480.000.000
Cộng	556.814.842.404	900.630.167.627
Phải thu ngắn hạn khác		
Cổ tức và lợi nhuận phải thu	1.409.908.160.694	1.370.239.808.603
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	521.307.935.975	486.437.241.778
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	540.715.964.523	397.115.611.714
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	201.442.257.996	267.479.924.642
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	215.422.002.200	209.268.241.076
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	10.000.000.000	9.938.789.393
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	1.020.000.000	-
Lãi phải thu	7.561.827.044	2.969.346.564
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	7.561.827.044	2.969.346.564
Phải thu khác	47.275.800.000	47.275.800.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	47.275.800.000	47.275.800.000
Tổng cộng phải thu ngắn hạn	1.544.745.787.738	1.420.484.955.167
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng		
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	716.725.800	-
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	850.000.000	850.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	34.347.560	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	13.517.365	-
Cộng	897.864.925	850.000.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	476.098.580	476.098.580

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả khác		
Các khoản hợp tác đầu tư	3.502.068.621.557	3.537.249.512.615
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	1.360.488.014.783	902.980.382.919
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	943.750.000.000	965.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	868.139.311.949	878.652.639.319
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	329.691.294.825	790.616.490.377
Khoản nhận trước vốn góp đầu tư	219.980.000.000	219.980.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	219.980.000.000	219.980.000.000
Lợi nhuận nhận trước	109.549.509.355	110.059.509.355
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	109.549.509.355	109.549.509.355
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	-	510.000.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	36.204.595.640	12.948.701.521
Công ty CII	36.204.595.640	12.948.701.521
Cộng	3.867.802.726.552	3.880.237.723.491

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	1.719.604.209	1.275.902.433
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	1.018.710.000	1.339.945.962
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	436.363.638	436.363.638
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	60.000.000	30.000.000
Công ty CII	26.697.530	-
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với bên liên quan	3.861.375.377	3.682.212.033

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu hoạt động tài chính		
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	262.168.746.420	211.838.828.367
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	164.380.352.809	112.072.188.140
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	79.858.421.880	76.059.256.662
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	16.338.761.124	18.707.358.565
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	1.530.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII	61.210.607	5.000.025.000
<i>Lãi từ các khoản hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn</i>	47.261.234.497	47.938.211.860
Công ty CII	25.341.108.232	27.651.614.805
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	21.920.126.265	19.138.105.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	1.101.642.740
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đư	-	46.849.315
Cộng doanh thu tài chính từ bên liên quan	309.429.980.917	259.777.040.227
Chi phí tài chính		
<i>Chi phí lãi vay</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	72.613.068.007	39.784.931.506
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	51.072.609.589	51.131.265.752
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	41.567.188.563	45.305.274.739
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	19.074.804.448	-
Công ty CII	2.132.838.164	1.584.608.052
Cộng chi phí tài chính từ bên liên quan	186.460.508.771	137.806.080.049

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CII		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	17.185.000.000	11.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	394.392.889.814	55.109.462.431
Chi trả cổ tức trong kỳ	-	211.511.684.000
Cổ tức đã chia	-	52.877.921.000
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	32.156.164.384
Thanh toán nợ gốc hỗ trợ vốn	-	40.968.381.564
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	74.000.000.000	5.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	20.000.000.000	32.000.000.000
Nhận tiền lãi hỗ trợ vốn	17.327.645.785	18.879.377.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Nhận thanh toán lợi nhuận	44.987.727.683	33.051.629.569
Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình		
Chuyển tiền góp vốn	323.000.000.000	-
Nhận tiền cổ tức	10.185.000.000	8.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	25.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	13.700.000.000
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	-	1.101.642.740
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	5.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	5.000.000.000
Mua dịch vụ	2.377.722.220	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	8.718.351.364	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	480.000.000.000	-
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	12.547.654.594	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	386.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	17.000.000.000	18.750.000.000
Mua dịch vụ	1.475.036.046	-
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	480.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Nhận tiền cổ tức	66.037.666.646	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. Bên liên quan** (tiếp theo)**Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	167.707.286	139.545.000
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	69.772.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)	134.165.829	167.454.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập	111.804.858	93.328.333
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)	111.804.858	139.545.000
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	46.216.667
Ông Đặng Quang Phục Cộng	Thư ký	33.541.455	41.860.000
		894.438.860	1.116.356.000
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	89.443.886	74.125.667
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	37.510.333
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	67.082.915	83.727.000
Bà Lương Kim Diên An Cộng	Thành viên	67.082.915	83.727.000
		223.609.716	279.090.000

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.059.538.734	985.188.867
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	639.452.307	583.783.125
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)	462.552.722	-
Bà Lương Thị Thu Yến Cộng	Kế toán trưởng	338.737.500	366.979.708
		2.500.281.263	1.935.951.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

2. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác		
Chi đầu tư vào công ty con	323.035.306.000	26.532.087.785
Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	745.000.000.000	445.749.959.505
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	-	323.682.300.319
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	516.965.022.648	73.365.784.614

3. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thu hồi toàn bộ số dư khoản hỗ trợ vốn còn lại từ Công ty CII theo Hợp đồng số 07/2015/HĐ-CII B&R ký ngày 21 tháng 7 năm 2015 và các phụ lục điều chỉnh kèm theo hợp đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng.


Phùng Thị Thắm
Người lập biểu


Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 61

M.S.C.N.
11/9/2011

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Jose Ma. Kamantigue Lim	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Luis Soriano Renon	Thành viên (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Lê Văn Nam	Thành viên độc lập
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên độc lập (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025

Số: 2238/2025/BCSX-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Quý Cổ đông****Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 7 năm 2025 từ trang 4 đến trang 61, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề có yếu tố trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ theo kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Lương Giang Thạch****Phó Giám đốc Chi nhánh**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2023-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 7 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.548.316.780.401	1.942.794.069.640
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	456.757.524.713	305.454.143.139
1. Tiền	111		236.769.119.956	170.031.940.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		219.988.404.757	135.422.203.012
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.179.773.809.926	624.142.948.403
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	1.179.773.809.926	624.142.948.403
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		894.068.891.527	992.482.022.522
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	31.323.848.755	34.166.256.902
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	20.653.722.912	30.230.098.994
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	508.009.845.243	592.825.170.466
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	454.308.844.335	449.223.327.608
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(120.227.369.718)	(113.962.831.448)
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	4.190.700.159	9.498.552.800
1. Hàng tồn kho	141		4.190.700.159	9.498.552.800
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.525.854.076	11.216.402.776
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	350.206.692	548.002.803
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.221.824.970	8.721.324.709
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	1.953.822.414	1.947.075.264

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.593.584.521.680	21.520.717.677.521
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.609.152.220.055	1.470.333.097.065
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	1.194.200.000	1.194.200.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6	1.607.958.020.055	1.469.138.897.065
II. Tài sản cố định	220		15.564.527.691.942	15.863.940.090.936
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	10.735.353.149	12.266.897.275
- Nguyên giá	222		48.256.069.134	48.342.069.134
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.520.715.985)	(36.075.171.859)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	15.553.792.338.793	15.851.673.193.661
- Nguyên giá	228		19.202.243.639.832	19.154.246.848.279
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.648.451.301.039)	(3.302.573.654.618)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		37.435.615.079	36.891.386.840
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	37.435.615.079	36.891.386.840
IV. Tài sản dài hạn khác	260		4.382.468.994.604	4.149.553.102.680
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.903.765.795.296	3.658.704.179.841
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	250.021.439.209	245.280.537.221
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	228.681.760.099	245.568.385.618
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		24.141.901.302.081	23.463.511.747.161

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		18.133.105.031.777	17.778.676.037.735
I. Nợ ngắn hạn	310		2.598.650.032.982	1.761.657.191.893
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	384.541.943.999	389.840.298.778
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.656.060.889	1.656.060.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	40.785.630.352	44.459.838.116
4. Phải trả người lao động	314		26.854.813.922	29.336.480.450
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	114.630.026.150	106.142.044.979
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		469.102.508	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	701.158.140.663	582.025.847.346
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	1.316.961.547.738	601.167.082.745
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		11.592.766.761	7.029.538.590
II. Nợ dài hạn	330		15.534.454.998.795	16.017.018.845.842
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	3.393.931.386.083	3.495.466.964.554
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	11.992.809.858.639	12.367.349.124.255
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	147.713.754.073	154.202.757.033
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.008.796.270.304	5.684.835.709.426
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	6.008.796.270.304	5.684.835.709.426
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.186.626.778.628	1.892.285.908.596
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.881.654.207.623	1.360.475.959.270
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		304.972.571.005	531.809.949.326
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.783.935.918.983	1.754.316.228.137
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		24.141.901.302.081	23.463.511.747.161



Phùng Thị Thẩm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.328.215.505.741	1.335.815.521.275
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	51.224.557.872	51.224.557.872
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	1.276.990.947.869	1.284.590.963.403
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	455.857.119.036	407.661.976.856
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		821.133.828.833	876.928.986.547
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	231.658.004.266	196.420.413.633
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	473.609.103.614	415.921.628.293
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		468.902.462.647	409.634.919.031
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	61.548.167.802	61.637.000.706
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	76.985.740.984	72.090.561.879
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		440.648.820.699	523.700.209.302
12. Thu nhập khác	31		74.529.729	60.080.000
13. Chi phí khác	32		309.674.747	204.739.836
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(235.145.018)	(144.659.836)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		440.413.675.681	523.555.549.466
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	36.791.739.099	21.587.090.332
17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(11.229.904.948)	3.589.657.534
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		414.851.841.530	498.378.801.600
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		304.969.657.490	364.955.261.205
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		109.882.184.040	133.423.540.395
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.566	1.877



Phùng Thị Thẩm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	440.413.675.681	523.555.549.466
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	364.295.816.066	354.496.426.218
Các khoản dự phòng	03	6.264.538.270	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(42.826.049.204)	(46.585.621.134)
Chi phí lãi vay	06	473.609.103.614	415.921.628.293
Các khoản điều chỉnh khác	07	(136.765.045.867)	(99.056.234.627)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.104.992.038.560	1.148.331.748.216
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.191.361.275)	8.035.393.446
Giảm hàng tồn kho	10	5.307.852.641	2.822.596.255
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	28.406.909.921	(30.031.382.633)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	7.969.108.892	(26.535.125.204)
Tiền lãi vay đã trả	14	(699.122.428.315)	(758.383.099.192)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(45.436.350.633)	(16.750.770.122)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.065.347.576)	(4.605.511.524)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	392.860.422.215	322.883.849.242
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(49.080.109.290)	(186.438.117.984)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(947.815.861.523)	(502.741.670.216)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	456.392.889.814	515.813.371.523
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(35.306.000)	(27.726.287.785)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.593.055.606	29.818.446.402
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(497.945.331.393)	(171.274.258.060)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	13.136.200.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.299.129.756.801	2.758.603.686.984
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(994.897.044.137)	(2.305.722.554.806)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(47.844.421.912)	(427.065.702.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	256.388.290.752	38.951.629.800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	151.303.381.574	190.561.220.982
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	305.454.143.139	705.492.714.069
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	456.757.524.713	896.053.935.051



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (sau đây gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,84%, trong đó sở hữu trực tiếp 49,84% và sở hữu gián tiếp 5% thông qua Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 đồng, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường Bình Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges And Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 lần lượt là 272 và 283 người.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

- (i) Theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty, Công ty CII và cổ đông có liên quan ký ngày 08 tháng 12 năm 2015, Công ty CII sẽ chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ đồng thời được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích phát sinh từ khoản đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.
- (ii) Ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng 0,01% cổ phần của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình, nâng tỷ lệ sở hữu trong công ty con này từ 99,99% lên 100%. Theo đó, Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình đã thực hiện chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty cổ phần sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Thực hiện theo chủ trương tái cấu trúc các danh mục đầu tư đã được Hội đồng Quản trị Công ty CII phê duyệt trong năm 2024, từ ngày 17 tháng 4 năm 2025 đến ngày 16 tháng 5 năm 2025, Công ty CII đã chuyển nhượng 3,850 triệu cổ phiếu của Công ty, tương ứng với tỷ lệ sở hữu là 1.99%, cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII ("Công ty CII Invest"). Theo đó, Công ty CII hiện đang nắm giữ trực tiếp 49,84% và nắm giữ gián tiếp 5% quyền biểu quyết trong Công ty thông qua Công ty CII Invest.

Sau khi nắm giữ toàn bộ vốn trong Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình, Công ty đã góp vốn bổ sung 323 tỷ đồng vào công ty con này theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Quản trị Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024. Công ty đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán cũng như các quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính và kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh** (tiếp theo)

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, Công ty không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc, khi đạt được quyền kiểm soát đối với công ty con, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày kiểm soát công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp trước ngày Công ty đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết, liên doanh của Công ty và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khi đạt được quyền kiểm soát, Công ty đánh giá lại giá trị khoản đầu tư theo giá trị hợp lý trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho** (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường, chi phí liên quan đến thủ tục vay vốn và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước, bao gồm chi phí đi vay của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không được vốn hóa vào nguyên giá quyền thu phí giao thông theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường được thực hiện theo quy định của hợp đồng B.O.T và được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

Các khoản chi phí làm thủ tục vay vốn liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty được phân bổ theo đường thẳng trong suốt thời hạn của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ lệ doanh thu phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn. Công ty sẽ điều chỉnh tỷ lệ khấu hao khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật dòng tiền thu phí theo lưu lượng xe thực tế trên nguyên tắc bảo toàn vốn chủ sở hữu của dự án theo hợp đồng B.O.T.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản tiền vay, nợ phải trả phát sinh từ các hợp đồng thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phí giao thông đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ từ các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Hợp đồng xây dựng*

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Hoạt động hợp tác kinh doanh

Hoạt động hợp tác kinh doanh là thỏa thuận giữa Công ty và các đối tác bằng hợp đồng để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh nhưng không hình thành pháp nhân độc lập và được kiểm soát bởi một trong số các bên. Lợi nhuận phân chia cho đối tác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

712
ÔNG
TNI
TOÁN
HI N
ÀI
VH-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các bên liên quan

Các bên liên quan của Công ty bao gồm các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Tháp (trước là tỉnh Tiền Giang), tỉnh Khánh Hòa (trước là tỉnh Ninh Thuận), tỉnh Vĩnh Long (trước đây bao gồm tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh). Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.176.102.679	1.171.322.028
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	235.593.017.277	168.860.618.099
Các khoản tương đương tiền	219.988.404.757	135.422.203.012
Cộng	456.757.524.713	305.454.143.139

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc không quá ba (03) tháng. Số dư tại ngày đầu kỳ và cuối kỳ của khoản tương đương tiền này bao gồm số tiền 1,5 tỷ đồng đã được sử dụng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1.179.773.809.926	624.142.948.403

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn từ 175 ngày đến 12 tháng và lãi suất dao động từ 1,9%/năm đến 4,8%/năm. Số dư cuối kỳ bao gồm số tiền 988,5 tỷ đồng đã được sử dụng để cầm cố cho các khoản nợ vay của Công ty tại Ngân hàng BIDV Chi nhánh Tây Sài Gòn, các khoản nợ vay tại Ngân hàng Vietinbank của Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Khai thác Cầu đường CII và Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	2.664.331.887	4.971.752.607
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Các khách hàng khác	21.358.739.894	21.893.727.321
Cộng	31.323.848.755	34.166.256.902

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T	17.276.648.335	19.402.886.070
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	3.367.374.087	10.817.512.434
Trả trước cho bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.4</i>)	9.700.490	9.700.490
Cộng	20.653.722.912	30.230.098.994

5. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.4</i>)	476.016.253.362	560.831.578.585
Các bên khác	31.993.591.881	31.993.591.881
<i>Công ty Cổ phần Hoàng An</i>	17.546.812.283	17.546.812.283
<i>Công ty Cổ phần Cầu 12</i>	14.446.779.598	14.446.779.598
Cộng	508.009.845.243	592.825.170.466
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	1.194.200.000	1.194.200.000
Tổng cộng các khoản phải thu về cho vay	509.204.045.243	594.019.370.466

Số dư phải thu về cho vay ngắn hạn cuối kỳ thể hiện các khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (Công ty CII) (*xem Thuyết minh VII.4*), bao gồm:

- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng đã ký năm 2015 và các phụ lục, nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Hạn mức hỗ trợ vốn là 500 tỷ đồng, lãi suất áp dụng trong kỳ là 11%/năm, đáo hạn theo hợp đồng vào ngày 02 tháng 8 năm 2026 hoặc khi hai bên có nhu cầu thanh toán. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 99.334.842.404 đồng.
- Khoản hỗ trợ vốn với hạn mức theo hợp đồng ký ngày 26 tháng 9 năm 2023 và các phụ lục hợp đồng với số tiền là 25 tỷ đồng, kỳ hạn 12 tháng, đáo hạn ngày 26 tháng 9 năm 2025. Lãi suất áp dụng trong kỳ từ 6,0%-8,5%/năm, không có tài sản đảm bảo. Vốn gốc và chi phí lãi phát sinh sẽ được thanh toán vào ngày đáo hạn. Mục đích của khoản hỗ trợ vốn là bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 18.681.410.958 đồng.
- Khoản hợp tác kinh doanh theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng đã ký với hạn mức 100 tỷ đồng, đáo hạn vào ngày 06 tháng 12 năm 2025 nhằm thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh. Tỷ suất lợi nhuận Công ty được hưởng là 8,5%/năm tính trên số tiền hợp tác đã chuyển. Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 58 tỷ đồng.

Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo hợp đồng với thời hạn 3 năm kể từ ngày 08 tháng 4 năm 2024 để thanh toán giá trị cổ phần đăng ký mua thêm tại Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 8,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng số lượng cổ phần mua thêm và các lợi ích kèm theo của Tuấn Lộc trong Công ty Cổ Phần Trung Lương Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	140.241.454.319	140.241.454.319
Lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T (iv)	102.449.115.744	102.449.115.744
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z (ii)	66.500.000.000	66.500.000.000
Tạm ứng cho nhân viên	33.687.811.480	32.985.791.839
Đặt cọc mua cổ phần (iii)	27.726.287.785	27.726.287.785
Phải thu các nhà thầu giá trị khối lượng thi công dự án không được quyết toán	22.575.506.815	22.536.888.505
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.754.905.222	9.521.911.624
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	9.438.246.700	7.513.241.097
Các khoản phải thu khác	41.935.516.270	39.748.636.695
Cộng	454.308.844.335	449.223.327.608
b. Phải thu dài hạn		
Lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T (iv)	1.584.461.294.255	1.446.853.897.065
Các khoản phải thu khác	23.496.725.800	22.285.000.000
Cộng	1.607.958.020.055	1.469.138.897.065
Cộng các khoản phải thu khác	2.062.266.864.390	1.918.362.224.673
Trong đó, phải thu các bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	5.072.595.591	6.362.217.632

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miếu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(ii) Số dư thể hiện khoản tạm ứng cho hợp đồng tư vấn tổng thể dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận đã ký với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng A2Z. Các bên không tiếp tục thực hiện hợp đồng này và đang làm các thủ tục cần thiết để thanh lý.

(iii) Số dư cuối kỳ thể hiện khoản tiền đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc theo thỏa thuận cam kết chuyển nhượng ký ngày 25 tháng 10 năm 2023. Theo đó, Tuấn Lộc cam kết bán cho Công ty cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Tuấn Lộc đang sở hữu trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**6. Phải thu khác** (tiếp theo)

(iv) Chi tiết số dư lãi vốn chủ và các quyền phải thu khác của các dự án B.O.T như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội (*)	1.058.259.351.751	1.108.652.654.215
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (**)	513.520.669.808	383.085.164.374
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương (***)	115.130.388.440	57.565.194.220
	1.686.910.409.999	1.549.303.012.809
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(102.449.115.744)	(102.449.115.744)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	1.584.461.294.255	1.446.853.897.065

(*) Khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong giai đoạn thi công của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội với tỷ suất lãi vốn chủ theo hợp đồng B.O.T là 14%/năm.

(**) Số dư thể hiện giá trị quyền và các lợi ích tài chính mà Công ty được hưởng từ Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận ("Dự án"). Theo hợp đồng B.O.T, Công ty được hưởng lãi bảo toàn vốn chủ trong giai đoạn thu phí hoàn vốn với tỷ lệ 12%/năm cho phần cơ cấu vốn chủ. Đối với cấu phần vốn vay tài trợ cho Dự án, lãi suất sử dụng để tính thời gian hoàn vốn được khoán gọn theo mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của 3 ngân hàng lớn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo điều khoản của hợp đồng B.O.T. Các quyền và lợi ích nêu trên được thu hồi dần thông qua hoạt động thu phí giao thông.

(***) Khoản lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu trong giai đoạn khai thác của Dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, được tính cho số dư phần vốn chủ sở hữu chưa thu hồi theo tỷ suất lãi vốn chủ theo hợp đồng B.O.T là 8,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

7. Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.913.491.410	-	(26.913.491.410)	26.913.491.410
Phải thu về cho vay ngắn hạn	31.993.591.881	6.910.603.537	(25.082.988.344)	31.993.591.881
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.634.574.749	-	(1.634.574.749)	1.634.574.749
Phải thu ngắn hạn khác	106.583.544.834	39.987.229.619	(66.596.315.215)	106.483.544.834
Cộng	167.125.202.874	46.897.833.156	(120.227.369.718)	167.025.202.874
				53.062.371.426
				(113.962.831.448)

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số đầu kỳ	(113.962.831.448)	(95.469.216.638)
Trích lập dự phòng bổ sung	(6.264.538.270)	-
Số cuối kỳ	(120.227.369.718)	(95.469.216.638)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.190.700.159	-	9.498.552.800	-
<i>Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang</i>	<i>608.083.898</i>	<i>-</i>	<i>490.268.859</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	<i>3.582.616.261</i>	<i>-</i>	<i>9.008.283.941</i>	<i>-</i>
Cộng	4.190.700.159	-	9.498.552.800	-

9. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	309.516.068	328.896.990
Các khoản chi phí trả trước khác	40.690.624	219.105.813
Cộng	350.206.692	548.002.803

b. Dài hạn

Chi phí lãi vay của các dự án B.O.T(i)	3.637.758.636.196	3.372.055.485.512
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	166.650.544.169	179.756.991.542
Chi phí liên quan đến thủ tục vay chờ phân bổ	87.854.282.985	92.503.459.887
Chi phí quản lý, nghiên cứu phát triển dự án	3.627.574.464	3.786.904.669
Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí	2.624.000.314	4.373.333.878
Các khoản chi phí trả trước khác	5.250.757.168	6.228.004.353
Cộng	3.903.765.795.296	3.658.704.179.841

Cộng các khoản chi phí trả trước

3.904.116.001.988	3.659.252.182.644
--------------------------	--------------------------

(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:

Dự án Cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1	1.192.494.288.857	1.076.853.171.639
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	1.142.063.662.530	1.065.270.851.532
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	833.172.934.623	757.488.866.556
Dự án cầu Cổ Chiên	292.468.544.998	293.796.306.256
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	177.559.205.188	178.646.289.529
Cộng	3.637.758.636.196	3.372.055.485.512

Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 là 36% (kỳ trước là 34,78%); Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 2,54% (kỳ trước là 17,95%); Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 5% (kỳ trước là 7%); Dự án cầu Cổ Chiên là 28% (kỳ trước là 18%); Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 là 15%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tỷ lệ phân bổ lãi vay của dự án sẽ được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cấp nhật lưu lượng xe thực tế trên nguyên tắc bảo toàn lãi vốn chủ của dự án B.O.T.

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i) VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí đi vay chờ phân bổ VND	Chi phí khác chờ phân bổ VND	Cộng VND
Số dư đầu kỳ trước	2.755.620.372.773	113.279.455.423	101.751.279.158	25.723.206.061	2.996.374.313.415
Chi phí tăng trong kỳ	580.821.241.080	69.425.794.494	-	827.890.369	651.074.925.943
Phân bổ trong kỳ	(273.138.254.405)	(35.045.947.155)	(4.598.642.369)	(7.711.030.237)	(320.493.874.166)
Giảm khác	-	-	-	(350.000.000)	(350.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	3.063.303.359.448	147.659.302.762	97.152.636.789	18.490.066.193	3.326.605.365.192
Số dư đầu kỳ này	3.372.055.485.512	179.756.991.542	92.503.459.887	14.388.242.900	3.658.704.179.841
Chi phí tăng trong kỳ	549.392.679.198	38.531.073.906	-	4.355.491.276	592.279.244.380
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	74.074.074	-	-	74.074.074
Phân bổ trong kỳ	(283.689.528.514)	(51.711.595.353)	(4.649.176.902)	(7.241.402.230)	(347.291.702.999)
Số dư cuối kỳ này	3.637.758.636.196	166.650.544.169	87.854.282.985	11.502.331.946	3.903.765.795.296

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quần lý VND	Tài sản cố định khác VND
Nguyên giá					
	Số dư đầu kỳ	8.189.443.376	19.806.059.687	17.333.107.893	2.191.969.290
	Thanh lý, nhượng bán	-	(86.000.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	8.189.443.376	19.720.059.687	17.333.107.893	2.191.969.290	821.488.888
Giá trị hao mòn lũy kế					
	Số dư đầu kỳ	7.184.799.273	14.458.665.920	12.497.377.840	1.658.685.301
	Khấu hao trong kỳ	68.525.388	649.359.558	697.262.574	58.939.196
	Thanh lý, nhượng bán	-	(86.000.000)	-	-
Số dư cuối kỳ	7.253.324.661	15.022.025.478	13.194.640.414	1.717.624.497	333.100.935
Giá trị còn lại					
	Số dư đầu kỳ	1.004.644.103	5.347.393.767	4.835.730.053	533.283.989
Số dư cuối kỳ	936.118.715	4.698.034.209	4.138.467.479	474.344.793	488.387.953

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày đầu kỳ và tại ngày cuối kỳ lần lượt là 25.439.078.205 đồng và 24.054.829.624 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	19.149.956.128.779	1.183.149.000	3.107.570.500	19.154.246.848.279
Đầu tư XDCB hoàn thành	47.887.887.468	-	-	47.887.887.468
Mua trong kỳ	-	-	120.000.000	120.000.000
Giảm khác	(11.095.915)	-	-	(11.095.915)
Số dư cuối kỳ	19.197.832.920.332	1.183.149.000	3.227.570.500	19.202.243.639.832
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.300.594.232.938	-	1.979.421.680	3.302.573.654.618
Khấu hao trong kỳ	345.694.211.761	-	183.434.660	345.877.646.421
Số dư cuối kỳ	3.646.288.444.699	-	2.162.856.340	3.648.451.301.039
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	15.849.361.895.841	1.183.149.000	1.128.148.820	15.851.673.193.661
Số dư cuối kỳ	15.551.544.475.633	1.183.149.000	1.064.714.160	15.553.792.338.793

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1

Quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 9.510.262.104.285 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T số 14/HĐ.BOT-GTVT ngày 18 tháng 11 năm 2016 ký với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang và các phụ lục hợp đồng. Dự án này được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ 0h ngày 09 tháng 8 năm 2022. Theo phương án tài chính trong phụ lục hợp đồng B.O.T năm 2019, Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 14 năm 8 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong năm là 30,18%.

Tại ngày nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận ("Công ty dự án"), Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 691.728.230.913 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 13 năm 6 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**b. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 3.588.729.522.960 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 14%/năm bao gồm cả giai đoạn đầu tư xây dựng.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ này là 9% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 15,35%).

c. Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 05 tháng 7 năm 2021, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm tính từ thời điểm dự án bắt đầu thu phí hoàn vốn. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 50% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 35%).

d. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.488.823.812.885 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 01 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (*thuyết minh bên dưới*) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 19 năm 7 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 12%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 2,54% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 12,28%).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**e. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, 30 tháng 6 năm 2025 là 698.254.877.278 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 09 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 01 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 30,81 năm, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư tạm tính tại thời điểm ký hợp đồng là 8,4%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 10,466%.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

f. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 35% (tỷ lệ khấu hao kỳ trước là 23%).

Tỷ lệ khấu hao của các dự án B.O.T có thể được điều chỉnh khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế hàng năm.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V.19).

12
JN
TN
OAI
II N
AI
4-7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình** (tiếp theo)**Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý***Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm*

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm theo hợp đồng B.O.T ký ngày 08 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ 0h00 ngày 01 tháng 10 năm 2023. Đến thời điểm khóa sổ, Công ty đã khấu hao hết giá trị quyền thu phí và hiện đang làm các thủ tục để quyết toán giá trị thu phí hoàn vốn dự án với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 575.246.181.077 đồng.

Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 05 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình là phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày đầu kỳ và tại ngày cuối kỳ là 955.068.500 đồng.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.191.060.840	3.191.060.840
Dự án trung tu đợt 4 đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	719.328.704	-
Các dự án, hạng mục khác	399.598.000	574.698.465
Cộng	37.435.615.079	36.891.386.840

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số dư đầu kỳ	36.891.386.840	68.329.293.026
Chi phí đầu tư trong kỳ	48.799.105.285	57.544.373.183
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(47.887.887.468)	(88.895.465.402)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(366.989.578)	-
Số dư cuối kỳ	37.435.615.079	36.978.200.807

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Lãi vốn chủ dự án B.O.T Xa lộ Hà Nội (i) VND	Lãi vốn chủ và lợi ích tài chính từ các dự án B.O.T khác (ii) VND	Dự phòng phải trả ng rời lao động VND	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (iii) VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế hoãn lại					
Số dư đầu kỳ trước	241.887.851.822	-	375.000.000	-	242.262.851.822
Thuế suất thuế TNDN	20%	5%-14,23%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	10.078.660.494	-	-	-	10.078.660.494
Số dư cuối kỳ trước	231.809.191.328	-	375.000.000	-	232.184.191.328
Số dư đầu kỳ này	221.730.530.834	23.175.006.387	375.000.000	-	245.280.537.221
Thuế suất thuế TNDN	20%	5%-14,23%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	10.078.660.494	(14.819.562.482)	-	-	(4.740.901.988)
Số dư cuối kỳ này	211.651.870.340	37.994.568.869	375.000.000	-	250.021.439.209
b. Thuế hoãn lại phải trả					
Số dư đầu kỳ trước	-	-	-	167.180.762.953	167.180.762.953
Thuế suất thuế TNDN	N/A	N/A	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	-	-	(6.489.002.960)	(6.489.002.960)
Số dư cuối kỳ trước	-	-	-	160.691.759.993	160.691.759.993
Số dư đầu kỳ này	-	-	-	154.202.757.033	154.202.757.033
Thuế suất thuế TNDN	N/A	N/A	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	-	-	(6.489.002.960)	(6.489.002.960)
Số dư cuối kỳ này	-	-	-	147.713.754.073	147.713.754.073
Tổng chi phí/(thu nhập) thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất					(11.229.904.948)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hoặc thanh lý hay khi nợ phải trả được thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**13. Thuế thu nhập hoãn lại** (tiếp theo)

- (i) Theo hợp đồng B.O.T Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội, Công ty được hưởng lãi bảo toàn vốn chủ trong thời gian thi công là 14%/năm. Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ phát sinh trong giai đoạn này được ghi nhận vào thu nhập tài chính của kỳ phát sinh và sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí khi dự án đi vào hoạt động. Công ty đã thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ nêu trên, đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại để phản ánh khoản thuế sẽ được khấu trừ trong tương lai khi phát sinh doanh thu thu phí. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, số dư lãi bảo toàn vốn chủ của Dự án còn được khấu trừ là 1.058.259.351.751 đồng (xem *Thuyết minh V.6*), theo đó giá trị thuế thu nhập còn được khấu trừ tương ứng là 211.651.870.340 đồng.
- (ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ lãi vốn chủ và quyền phải thu từ các Dự án B.O.T khác bao gồm:
- Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận: Công ty ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lãi bảo toàn vốn chủ và chênh lệch lãi suất đi vay của dự án là 432.230.291.880 đồng với mức thuế suất 5%, tương ứng 21.611.514.594 đồng. Thuế suất được sử dụng để ghi nhận tài sản thuế hoãn lại là thuế suất ưu đãi của Dự án vì Công ty dự kiến sẽ thu hồi đủ các khoản lợi ích này trong thời gian dự án được ưu đãi thuế;
 - Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương: số dư lãi vốn chủ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 115.130.388.440 đồng, thuế hoãn lại tương ứng là 16.383.054.275 đồng. Thuế suất được sử dụng để ghi nhận tài sản thuế hoãn lại của dự án này là 14,23%, được tính theo thuế suất bình quân của các kỳ dự kiến thu hồi tài sản.
- (iii) Số dư cuối năm là thuế thu nhập hoãn lại phải trả của các giao dịch hợp nhất kinh doanh như sau:
- Chênh lệch phát sinh khi Công ty đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tại ngày hợp nhất kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 602.059.756.535 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 120.411.951.306 đồng.
 - Chênh lệch phát sinh khi đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ tại ngày hợp nhất. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 136.509.013.835 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 27.301.802.767 đồng.

Các khoản thuế hoãn lại phải trả này sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**14. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	529.238.257.458
Số dư cuối kỳ	529.238.257.458
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	283.669.871.840
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	16.886.625.519
Số dư cuối kỳ	300.556.497.359
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	245.568.385.618
Số dư cuối kỳ	228.681.760.099

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Giá trị ghi sổ đồng thời là số có khả năng thanh toán</i>		
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	50.275.756.846	66.258.027.465
Phải trả các nhà cung cấp khác	334.266.187.153	323.582.271.313
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	37.328.789.023	37.328.789.023
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	91.597.040.466	83.562.382.137
Các đối tượng khác	205.340.357.664	202.691.100.153
Cộng	384.541.943.999	389.840.298.778

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số cuối kỳ VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.311.672.687	-	-	1.311.672.687
Thuế giá trị gia tăng	489.865.770	-	-	489.865.770
Thuế thu nhập cá nhân	145.536.807	261.909.608	265.388.108	149.015.307
Các khoản khác	-	-	3.268.650	3.268.650
Cộng	1.947.075.264	261.909.608	268.656.758	1.953.822.414
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	11.760.790.207	92.864.224.575	88.855.571.633	15.769.443.149
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.189.099.396	36.791.739.099	45.436.350.633	23.544.487.862
Thuế thu nhập cá nhân	509.948.513	2.009.316.539	2.164.029.211	355.235.841
Tiền thuê đất, thuế đất	-	1.116.463.500	-	1.116.463.500
Các khoản khác	-	34.000.000	34.000.000	-
Cộng	44.459.838.116	132.815.743.713	136.489.951.477	40.785.630.352

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	64.204.651.286	67.273.817.838
Trích trước chi phí trung tu, duy tu, thi công	43.760.902.168	28.340.916.194
Chi phí phải trả khác	6.664.472.696	10.527.310.947
Cộng	114.630.026.150	106.142.044.979
Trong đó, chi phí phải trả cho bên liên quan (xem <i>Thuyết minh VII.4</i>)	9.109.703.425	9.467.476.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**18. Phải trả khác**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức và lợi nhuận phải trả	532.281.859.698	501.898.882.705
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (i)	116.749.326.732	50.394.639.319
Phải trả chi phí sử dụng vốn	34.204.595.640	12.948.701.521
Các khoản thu hộ	6.934.206.706	8.115.434.264
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.988.151.887	8.668.189.537
	701.158.140.663	582.025.847.346
b. Dài hạn		
Khoản nhận vốn hợp tác đầu tư (i)	3.385.319.294.825	3.486.854.873.296
Các khoản thu hộ	7.300.000.000	7.300.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.312.091.258	1.312.091.258
	3.393.931.386.083	3.495.466.964.554
Cộng các khoản phải trả khác	4.095.089.526.746	4.077.492.811.900
Trong đó, phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	4.040.356.000.045	4.016.952.766.562

(i) Số dư cuối kỳ thể hiện các khoản tiền nhận từ các hợp đồng hợp tác đầu tư và lãi phát sinh, bao gồm:

- Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc Điện Biên Phủ (OBI) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận. Thời hạn của hợp đồng là 8 năm kể từ ngày Công ty OBI thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, Công ty OBI sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 943.750.000.000 đồng.
- Khoản phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận giai đoạn 1. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2031. Theo hợp đồng, Công ty CII E&C sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 1.360.488.014.783 đồng.
- Khoản phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT) theo hợp đồng hợp tác đầu tư vào dự án Xa lộ Hà Nội. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày Công ty KBTT thanh toán đầy đủ khoản vốn hợp tác. Theo hợp đồng, KBTT sẽ được hưởng các khoản phân chia từ dự án hoặc theo giá trị tối thiểu đã thỏa thuận giữa hai bên tại từng thời điểm. Số dư phải trả của hợp đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 868.139.311.949 đồng.
- Khoản vốn nhận hợp tác để đầu tư vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận tương ứng với tỷ lệ lợi ích 40% với Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII (trước đây là hợp tác với Công ty CII) có giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 329.691.294.825 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng từ đi vay VND	Giảm do thanh toán nợ vay VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty CII - Công ty mẹ	44.076.994.579	44.076.994.579	9.944.713.542	-	34.132.281.037	34.132.281.037
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	18.826.091.621	18.826.091.621	849.751.451	-	17.976.340.170	17.976.340.170
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	265.000.000.000	265.000.000.000	265.000.000.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i>)	589.000.000.000	589.000.000.000			514.000.000.000	514.000.000.000
Trái phiếu đến hạn (xem <i>Thuyết minh b)</i>)	100.058.461.538	100.058.461.538			35.058.461.538	35.058.461.538
Cộng	1.316.961.547.738	1.316.961.547.738	575.794.464.993	-	601.167.082.745	601.167.082.745



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	300.000.000.000	6 tháng	24/12/2025	2,40%	Góp vốn hợp tác đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ký với Công ty CII E&C	Các hợp đồng tiền gửi có kì hạn tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh 11 của Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình với tổng giá trị 300 tỷ đồng
Ngân hàng BIDV - CN Tây Sài Gòn	265.000.000.000	6 tháng	29/07/2028	Lãi suất trong kỳ là 4,8% - 5%	Góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH MTV Cầu đường Hiền An Bình	Các hợp đồng tiền gửi tổng giá trị 265 tỷ mở tại BIDV
Công ty CII	26.974.438.124	3 năm	21/07/2025	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	6.302.556.455	1 năm	13/04/2025		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	10.800.000.000	1 năm	13/04/2025		Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	44.076.994.579					
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	18.826.091.621	12 tháng	30/11/2025	Lãi suất trong kỳ là 9,35%	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietcombank - CN Thành phố Hồ Chí Minh	4.707.905.348.202	Tối đa 144 tháng, không vượt quá ngày 09/01/2035		Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,35%	Tài trợ dự án B.O.T Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	<ul style="list-style-type: none">- Toàn bộ các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng B.O.T;- Toàn bộ cổ phần thuộc sở hữu của các Cổ đông góp vốn trong công ty và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này;- Toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội thuộc sở hữu của Công ty CII và các quyền, lợi ích phát sinh từ hoặc liên quan tới các cổ phần này;- Bảo lãnh của Công ty CII và CII B&R cam kết trả nợ thay cho Công ty Trung Lương Mỹ Thuận trong trường hợp các cổ đông góp vốn không thực hiện được hoặc thực hiện không đầy đủ.
	1.897.500.000.000	Tối đa 168 tháng, không vượt quá 6 tháng trước khi kết thúc dự án				
	1.693.955.113.788	7 năm	26/11/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 7,8%/năm	Đầu tư vào Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
	8.299.360.461.990					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn	Đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	419.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 7,72%- 7,70%/năm	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên	Các lợi ích kinh tế từ quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.
Ngân hàng BIDV - CN TP.Hồ Chí Minh	426.858.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 8,2%/năm	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
Công ty CII	1.239.230.131.135	Tương đương thời gian thu phí của dự án, dự kiến là 14		10,50%	Tài trợ dự án B.O.T đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư CII	587.393.109.907	10 năm	31/12/2033	7,8%/năm	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn***Trái phiếu BNTCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 1.200 tỷ đồng*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 12.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 29 tháng 01 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 29 tháng 10 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho 4 kỳ tính lãi đầu tiên là 10,5%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng tổng của 3%/năm và lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 12 tháng (loại lãi trả sau và được huy động tại quầy) của 2 (hai) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (làm tròn lên đến hai chữ số ở phần thập phân);
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: cơ cấu lại nợ của Công ty, cụ thể là thanh toán khoản nợ vay dài hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11 theo Hợp đồng tín dụng số 60/2014-HĐTDDA/NHCT942-BOT NINH THUẬN ngày 26 tháng 8 năm 2014.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, Công ty đã mua lại trước hạn 150 trái phiếu với tổng mệnh giá 15.000.000.000 đồng.

Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 đồng/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 5.500;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm bằng tài sản, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 07 tháng 02 năm 2024;
- Kỳ hạn: 117 tháng kể từ ngày phát hành;
- Ngày đáo hạn: 07 tháng 11 năm 2033;
- Lãi trái phiếu: lãi suất cố định cho kỳ tính lãi đầu tiên là 10,1%/năm; lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo được xác định bằng bình quân lãi suất cho vay trung hạn được công bố của 4 (bốn) ngân hàng: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi vào ngày cuối cùng của kỳ tính lãi;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn theo phương án phát hành đã được phê duyệt: thanh toán một phần khoản nợ vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 0037/2338/D-TL/01 ngày 15 tháng 6 năm 2023 với số tiền là 100 tỷ đồng, chi đầu tư cho dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ Ngã Ba trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao với tổng giá trị là 450 tỷ đồng. Tính đến ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty đã sử dụng 100 tỷ đồng để trả nợ vay cho Ngân hàng Ngoại thương và 25.151.988.578 đồng để thanh toán chi phí đầu tư cho dự án. Khoản tiền thu từ phát hành trái phiếu tạm thời chưa sử dụng đang được Công ty gửi vào các tài khoản tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu HNHCH2433001 với tổng mệnh giá phát hành là 550 tỷ đồng* (tiếp theo)

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, Công ty đã mua lại trước hạn 250 trái phiếu với tổng mệnh giá 25.000.000.000 đồng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:*Lịch thanh toán của các khoản vay dài hạn*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	589.000.000.000	514.000.000.000
Trong năm thứ hai	753.500.000.000	307.520.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.413.184.492.999	2.957.110.492.999
Sau năm năm	7.217.156.715.724	7.428.807.445.405
	10.972.841.208.723	11.207.437.938.404
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(589.000.000.000)	(514.000.000.000)
Cộng	10.383.841.208.723	10.693.437.938.404

Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	100.000.000.000	35.000.000.000
Trong năm thứ hai	75.000.000.000	65.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	200.000.000.000	275.000.000.000
Sau năm năm	1.335.000.000.000	1.335.000.000.000
	1.710.000.000.000	1.710.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(100.000.000.000)	(35.000.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(1.031.350.084)	(1.088.814.149)
Cộng	1.608.968.649.916	1.673.911.185.851

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ phân bổ dần vào chi phí đi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND		Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Số dư đầu kỳ		1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.464.945.181.375	5.183.858.022.776
Lợi nhuận trong kỳ		-	-	-	364.955.261.205	498.378.801.600
Chia cổ tức		-	-	-	(96.427.382.500)	(172.005.198.214)
Cổ đông không kiểm soát góp thêm vốn		-	-	-	-	13.136.200.000
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		-	-	-	(7.796.062.421)	(8.205.471.181)
Số dư cuối kỳ		1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.751.251.784.629	5.515.162.354.981
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Số dư đầu kỳ		1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.751.251.784.629	5.515.162.354.981
Lợi nhuận trong kỳ		-	-	-	166.854.688.121	293.265.370.433
Chia cổ tức		-	-	-	-	(123.107.343.964)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		-	-	-	(245.777.184)	(484.672.024)
Số dư cuối kỳ		1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.754.316.228.137	5.684.835.709.426
Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Số dư đầu kỳ		1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	1.892.285.908.596	5.684.835.709.426
Lợi nhuận trong kỳ		-	-	-	304.969.657.490	414.851.841.530
Chia cổ tức		-	-	-	-	(78.227.398.905)
Ảnh hưởng khi thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con		-	-	-	11.982.144	(35.306.000)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát		-	-	-	(10.640.769.602)	(12.628.575.747)
Số dư cuối kỳ		1.928.547.650.000	3.657.748.096	106.028.174.597	2.186.626.778.628	6.008.796.270.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phiếu	Số đầu kỳ Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2025 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 với tỷ lệ 12% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty, đồng thời thông qua kế hoạch chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến từ 10-12% từ lợi nhuận sau thuế năm 2025.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	1.308.246.733.900	1.309.524.343.693
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.038.518.691	12.853.956.085
Doanh thu hoạt động duy tu, xây lắp công trình	5.930.253.150	13.437.221.497
	1.328.215.505.741	1.335.815.521.275
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(51.224.557.872)	(51.224.557.872)
	(51.224.557.872)	(51.224.557.872)
Doanh thu thuần	1.276.990.947.869	1.284.590.963.403
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem Thuyết minh VII.4)	18.441.490.263	24.748.981.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	437.258.279.239	387.283.010.125
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.909.745.635	9.531.965.397
Giá vốn hoạt động duy tu, xây lắp công trình	4.689.094.162	10.847.001.334
Cộng	455.857.119.036	407.661.976.856

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập tài chính từ dự án B.O.T (i)	188.831.955.062	149.834.792.499
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	42.826.049.204	46.585.621.134
Cộng	231.658.004.266	196.420.413.633

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem *Thuyết minh VII.4*)

	28.537.231.857	45.130.854.432
--	----------------	----------------

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh V.6, khoản thu nhập phát sinh trong kỳ là các khoản lợi ích tài chính từ một số dự án B.O.T Công ty đang khai thác, được ghi nhận nhằm phản ánh hợp lý giá trị tài sản của Công ty khi đầu tư vào các dự án này. Trong đó, giá trị các khoản lợi ích tài chính được ghi nhận trong kỳ của Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận và Dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương lần lượt là 131.266.760.842 đồng và 57.565.194.220 đồng.

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay, hợp tác đầu tư và lãi trái phiếu	468.902.462.647	409.634.919.031
Chi phí làm thủ tục vay, phát hành trái phiếu	4.706.640.967	6.286.709.262
Cộng	473.609.103.614	415.921.628.293

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (xem *Thuyết minh VII.4*)

	209.000.433.293	153.486.612.508
--	-----------------	-----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	48.773.871.963	47.188.915.377
Chi phí lương nhân viên	3.548.644.056	3.114.920.394
Chi phí vận hành trạm thu phí	7.391.177.782	-
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.834.474.001	11.333.164.935
Cộng	61.548.167.802	61.637.000.706
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.4</i>)	21.747.670.235	21.857.881.411

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Phân bổ lợi thế thương mại	16.886.625.519	16.990.716.058
Chi phí lương nhân viên	12.078.175.078	10.671.549.465
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	797.700.568	737.291.330
Chi phí khấu hao và phân bổ giá trị hợp lý tăng thêm của tài sản cố định vô hình từ hợp nhất kinh doanh	33.144.791.090	33.483.705.525
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	6.264.538.270	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.824.281.211	6.589.171.274
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.989.629.248	3.618.128.227
Cộng	76.985.740.984	72.090.561.879
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan (<i>xem Thuyết minh VII.4</i>)	1.484.295.306	13.200.000

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	32.741.749.033	30.731.430.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	347.306.589.216	337.953.222.872
Chi phí dự phòng	6.164.538.270	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.677.650.227	151.771.184.185
Chi phí bằng tiền khác	6.249.382.706	11.285.654.766
Cộng	582.139.909.452	531.741.492.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này		Kỳ trước	
	Hoạt động được ưu đãi thuế		Hoạt động không được ưu đãi thuế	
	VND	VND	VND	VND
Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	657.112.239.722	(216.698.564.041)	440.413.675.681	523.555.549.466
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	54.922.887.782	199.887.039.729	254.809.927.511	189.317.543.009
Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	32.445.014.798	32.445.014.798	32.445.014.798
Lợi thế thương mại phân bổ	-	16.886.625.519	16.886.625.519	16.990.716.058
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	-	82.154.780.567	82.154.780.567	95.245.113.640
Chi phí không được trừ	54.922.887.782	68.400.618.845	123.323.506.627	44.177.521.255
Tổng thu nhập chịu thuế	712.035.127.504	(16.811.524.312)	695.223.603.192	735.790.879.536
Bù trừ lãi và lỗ giữa các hoạt động	(71.975.830.665)	71.975.830.665	-	(54.980.012.564)
Tổng thu nhập tính thuế	640.059.296.839	55.164.306.353	695.223.603.192	680.810.866.972
Thu nhập tính thuế 20%	15.911.536.360	55.164.306.353	71.075.842.713	55.880.950.642
Thu nhập tính thuế 10%	624.147.760.479	-	624.147.760.479	624.929.916.330
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	65.597.083.320	11.032.861.271	76.629.944.591	73.669.181.761
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn (i)	(19.670.052.573)	-	(19.670.052.573)	(45.891.407.134)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% (i)	(20.168.152.919)	-	(20.168.152.919)	(12.603.129.395)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.758.877.828	11.032.861.271	36.791.739.099	15.174.645.232
				6.412.445.100
				21.587.090.332

(i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	304.969.657.490	364.955.261.205
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.952.672.495)	(2.912.708.128)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	302.016.984.995	362.042.553.077
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.566	1.877

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ so sánh nhằm phản ánh ảnh hưởng của quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế chính thức của năm 2023 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 22 tháng 4 năm 2025.

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 2,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Số tiền đi vay thực thu trong năm (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	565.849.751.451	304.735.838.041
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	-	1.748.860.000.000
Tiền thu từ đi vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	733.280.005.350	705.007.848.943
	1.299.129.756.801	2.758.603.686.984
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	459.957.021.489	2.217.356.770.192
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	-	15.000.000.000
Tiền trả nợ vay và hợp tác đầu tư với các Công ty trong tập đoàn	534.940.022.648	73.365.784.614
	994.897.044.137	2.305.722.554.806

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. Cam kết thuê hoạt động - Công ty là bên đi thuê**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trong vòng một năm	7.680.375.587	4.030.021.971
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.713.515.466	7.855.179.237
Cộng	18.393.891.053	11.885.201.208

3. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thu phí giao thông; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông và các dịch vụ khác.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ này

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.257.022.176.028	5.930.253.150	14.038.518.691	-	1.276.990.947.869
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	28.402.531.647	8.601.362.269	(37.003.893.916)	-
Cộng	1.257.022.176.028	34.332.784.797	22.639.880.960	(37.003.893.916)	1.276.990.947.869
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	437.258.279.239	4.689.094.162	13.909.745.635	-	455.857.119.036
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	26.021.506.957	1.471.756.320	(27.493.263.277)	-
Cộng	437.258.279.239	30.710.601.119	15.381.501.955	(27.493.263.277)	455.857.119.036
Lợi nhuận gộp bộ phận	819.763.896.789	3.622.183.678	7.258.379.005	(9.510.630.639)	821.133.828.833
Doanh thu hoạt động tài chính					231.658.004.266
Chi phí tài chính					473.609.103.614
Chi phí bán hàng					61.548.167.802
Chi phí quản lý doanh nghiệp					76.985.740.984
Thu nhập khác					74.529.729
Chi phí khác					309.674.747
Chi phí thuế TNDN hiện hành					36.791.739.099
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(11.229.904.948)
Tổng lợi nhuận sau thuế					414.851.841.530



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ trước

	Hoạt động thu phí giao thông VND	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.258.299.785.821	13.437.221.497	12.853.956.085	-	1.284.590.963.403
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	27.885.615.228	11.147.613.758	(39.033.228.986)	-
Cộng	1.258.299.785.821	41.322.836.725	24.001.569.843	(39.033.228.986)	1.284.590.963.403
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	387.283.010.125	10.847.001.334	9.531.965.397	-	407.661.976.856
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	23.981.776.068	7.488.538.694	(31.470.314.762)	-
Cộng	387.283.010.125	34.828.777.402	17.020.504.091	(31.470.314.762)	407.661.976.856
Lợi nhuận gộp bộ phận	871.016.775.696	6.494.059.323	6.981.065.752	(7.562.914.224)	876.928.986.547
Doanh thu hoạt động tài chính					196.420.413.633
Chi phí tài chính					415.921.628.293
Chi phí bán hàng					61.637.000.706
Chi phí quản lý doanh nghiệp					72.090.561.879
Thu nhập khác					60.080.000
Chi phí khác					204.739.836
Chi phí thuế TNDN hiện hành					21.587.090.332
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					3.589.657.534
Tổng lợi nhuận sau thuế					498.378.801.600

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây bao gồm Thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương, tỉnh Đồng Tháp (trước là tỉnh Tiền Giang), tỉnh Khánh Hòa (trước là tỉnh Ninh Thuận), tỉnh Vĩnh Long (trước đây bao gồm tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh). Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, dịch vụ cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh		Tỉnh Đồng Tháp	Tỉnh Khánh Hòa	Tỉnh Vĩnh Long	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Bảng cân đối kế toán							
Số dư cuối kỳ							
Tài sản ngắn hạn	3.342.710.334.840	467.055.219.568	257.645.229.805	378.794.280.499	(1.897.888.284.311)	2.548.316.780.401	
Tài sản dài hạn	6.561.259.085.834	9.967.985.325.134	3.110.499.550.533	1.809.260.803.645	144.579.756.534	21.593.584.521.680	
Nợ phải trả	8.711.862.264.464	8.546.080.649.863	2.225.023.456.791	885.094.993.664	(2.234.956.333.005)	18.133.105.031.777	
Số dư đầu kỳ							
Tài sản ngắn hạn	2.725.488.028.229	341.596.983.972	259.946.771.657	395.858.873.777	(1.780.096.587.995)	1.942.794.069.640	
Tài sản dài hạn	6.490.381.427.834	10.006.428.441.811	2.913.038.877.978	1.886.669.609.256	224.199.320.642	21.520.717.677.521	
Nợ phải trả	8.189.780.540.079	8.597.258.975.685	2.038.317.834.714	1.011.359.411.124	(2.058.040.723.867)	17.778.676.037.735	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh							
Kỳ này							
Doanh thu thuần	421.801.613.971	609.335.217.829	82.917.235.332	199.940.774.653	(37.003.893.916)	1.276.990.947.869	
Giá vốn	124.815.927.194	218.154.791.064	26.444.592.831	113.935.071.224	(27.493.263.277)	455.857.119.036	
Lợi nhuận gộp	296.985.686.777	391.180.426.765	56.472.642.501	86.005.703.429	(9.510.630.639)	821.133.828.833	
Kỳ trước							
Doanh thu thuần	436.668.662.026	547.365.207.123	138.006.101.072	201.584.222.168	(39.033.228.986)	1.284.590.963.403	
Giá vốn	147.667.366.813	184.953.964.621	35.718.682.057	70.792.278.127	(31.470.314.762)	407.661.976.856	
Lợi nhuận gộp	289.001.295.213	362.411.242.502	102.287.419.015	130.791.944.041	(7.562.914.224)	876.928.986.547	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan****Các bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật
Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Công ty mẹ
Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư CII
("CII Invest")

Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng
Cầu đường Bình Triệu

Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Trung Bộ
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bẩy Bẩy (NBB)
Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch
vụ - Sản xuất Hùng Thanh

Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)

Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Hương Trà

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi

Công ty trong cùng tập đoàn

Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú

Công ty liên kết của tập đoàn

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Nhân sự quản lý chủ chốt

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	2.157.941.822	4.465.362.542
Công ty TNHH MTV Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Cộng	2.664.331.887	4.971.752.607
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CII E&C	9.700.490	9.700.490
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty CII E&C	300.000.000.000	-
Công ty CII	176.016.253.362	560.831.578.585
Cộng	476.016.253.362	560.831.578.585



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)**Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán** (tiếp theo)

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khác		
Lãi cho vay, hỗ trợ vốn	3.919.055.791	6.194.174.632
Công ty CII E&C	299.178.082	5.471.242.466
Công ty CII	3.619.877.709	722.932.166
Tiền doanh thu thu phí giao thông		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	436.814.000	168.043.000
Ký quỹ dài hạn		
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	716.725.800	-
Cộng phải thu khác	5.072.595.591	6.362.217.632
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty CII E&C	37.148.873.645	37.148.873.645
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	13.113.365.836	13.113.365.836
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	13.517.365	-
Cộng	50.275.756.846	50.262.239.481
Chi phí phải trả - Lãi trái phiếu		
Công ty CII Invest	9.109.703.425	9.467.476.028
Phải trả khác		
Các khoản hợp tác đầu tư	3.502.068.621.557	3.537.249.512.615
Công ty CII E&C	1.360.488.014.783	902.980.382.919
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	943.750.000.000	965.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	868.139.311.949	878.652.639.319
Công ty CII Invest	329.691.294.825	790.616.490.377
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	503.569.968.848	466.510.509.426
Công ty CII	500.819.968.848	463.777.405.702
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	2.750.000.000	2.733.103.724
Phải trả chi phí sử dụng vốn		
Công ty CII	36.204.595.640	12.948.701.521
Khoản thu hộ về phí giao thông		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	436.814.000	168.043.000
Nhận ký quỹ, ký cược		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	76.000.000	76.000.000
Cộng phải trả khác	4.042.356.000.045	4.016.952.766.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty CII	26.697.530	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII	18.354.792.733	24.718.981.477
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	60.000.000	30.000.000
Cộng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với bên liên quan	18.441.490.263	24.748.981.477
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	28.537.231.857	45.130.854.432
Công ty CII	28.238.053.775	29.938.936.623
Công ty CII E&C	299.178.082	15.191.917.809
Cộng doanh thu tài chính từ bên liên quan	28.537.231.857	45.130.854.432
Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay, hợp tác đầu tư và lãi trái phiếu		
Công ty CII E&C	72.613.068.007	39.784.931.506
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	51.072.609.589	51.131.265.752
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	41.567.188.563	45.305.274.739
Công ty CII Invest	41.614.728.970	-
Công ty CII	2.132.838.164	17.265.140.511
Cộng chi phí tài chính từ bên liên quan	209.000.433.293	153.486.612.508

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CII		
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	58.586.358.963	147.831.771.004
Nhận tiền hỗ trợ vốn	85.000.000.000	151.463.281.187
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	-	40.968.381.564
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	32.185.000.000	11.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	396.392.889.814	55.109.462.431
Thu nhập từ tiền hỗ trợ vốn	28.238.053.775	29.938.936.623
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	76.725.026.249	125.952.849.435
Chi trả cổ tức trong năm	39.682.463.103	243.267.171.234
Tiền thu từ phát hành trái phiếu	-	1.750.000.000.000
Chuyển tiền mua lại trái phiếu	-	15.000.000.000
Mua dịch vụ	-	81.818.182

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CII E&C		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	300.000.000.000	430.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	430.000.000.000
Chi phí thi công công trình	1.586.612.419	16.987.940.553
Nhận tiền hợp tác đầu tư	480.000.000.000	-
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	12.547.654.594	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Đầu tư CII		
Chi phí duy tu, xây lắp, cảnh quan, sửa chữa bảo trì đường bộ	29.913.561.118	36.834.021.503
Chi phí dịch vụ thu phí giao thông	19.885.024.447	19.931.109.300
Chi phí dịch vụ cho thuê nhà và xe	370.909.092	520.909.092
Chia lợi nhuận	16.896.277	1.374.975.000
Thanh toán lợi nhuận	6.655.351.829	5.280.376.829
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	8.718.351.364	-
Mua dịch vụ	91.077.442	81.818.182
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ		
Nhận tiền hợp tác đầu tư	-	386.000.000.000
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	17.000.000.000	18.750.000.000
Mua dịch vụ	3.116.974.764	1.637.446.859
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Mua dịch vụ	138.888.888	138.888.888
Công ty CII Invest		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	79.211.158.499	-
Hoàn trả tiền hỗ trợ vốn	17.975.000.000	-
Hoàn trả tiền hợp tác đầu tư	480.000.000.000	-
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	61.378.779.452	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)**Trong kỳ, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<u>Hội đồng Quản trị</u>			
Ông Nguyễn Văn Thành	Chủ tịch	167.707.286	139.545.000
Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	69.772.000
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)	134.165.829	167.454.000
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Lê Văn Nam	Thành viên	111.804.858	93.328.333
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên	111.804.858	139.545.000
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025)	111.804.858	139.545.000
Ông Dương Trường Hải	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	46.216.667
Ông Đặng Quang Phục	Thư ký	33.541.455	41.860.000
Cộng		894.438.860	1.116.356.000

Trong kỳ, Công ty chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<u>Ban Kiểm soát</u>			
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban Kiểm soát	89.443.886	74.125.667
Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 12/04/2023)	-	37.510.333
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên	67.082.915	83.727.000
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên	67.082.915	83.727.000
Cộng		223.609.716	279.090.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4. Bên liên quan** (tiếp theo)**Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong kỳ:**

Họ và tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	1.059.538.734	985.188.867
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	639.452.307	583.783.125
Ông Nguyễn Duy Minh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 17 tháng 02 năm 2025)	462.552.722	-
Bà Lương Thị Thu Yên	Kế toán trưởng	338.737.500	366.979.708
Cộng		2.500.281.263	1.935.951.700

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 21 tháng 7 năm 2025, Công ty đã hoàn tất việc thu hồi toàn bộ số dư khoản hỗ trợ vốn còn lại từ Công ty CII theo Hợp đồng số 07/2015/HĐ-CII B&R ký ngày 21 tháng 7 năm 2015 và các phụ lục điều chỉnh kèm theo hợp đồng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yên
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 7 năm 2025

